

*Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023***BÁO CÁO****Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023,
phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024**

Năm học 2022 - 2023 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có những thuận lợi, khó khăn đan xen, trong đó xuất hiện nhiều diễn biến mới, phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức gay gắt, nặng nề hơn so với dự báo. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi về chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, cả nước vẫn phải tiếp tục đối diện với những khó khăn kép do hậu quả của đại dịch COVID-19 và những ảnh hưởng tiêu cực của tình hình thế giới, khu vực.

Đồng thời, năm học 2022 - 2023 là thời điểm đánh dấu giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm thứ mười ngành Giáo dục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT).

Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp hiệu quả của các ban, bộ, ngành, cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng, chính quyền các địa phương; sự quyết tâm, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp và sự cố gắng, nỗ lực của học sinh, sinh viên, học viên, toàn ngành Giáo dục đã triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 31/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường điều kiện đảm bảo thực hiện hiệu quả, chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và hoàn thành Kế hoạch năm học 2022 - 2023¹, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Trên cơ sở kết quả công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ GDĐT và kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các tỉnh, thành phố) và các cơ sở giáo dục, đào tạo, Bộ GDĐT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2023 - 2024, cụ thể như sau:

¹ (1) Quyết định 2159/QĐ-BGDĐT về khung kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; (2) Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023.

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022 - 2023

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về GDĐT

1.1. Xây dựng, ban hành văn bản về lĩnh vực GDĐT

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023 (tính từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023), Bộ GDĐT đã trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền 56 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 04 Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ; 07 Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 25 Thông tư và 20 Quyết định cá biệt của Bộ trưởng (*danh mục các văn bản đã ban hành tại Phụ lục 1*). Các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng trên tinh thần kiến tạo môi trường pháp lý để tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, từng bước tháo gỡ các nút thắt, những vướng mắc từ thực tiễn đặt ra, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về GDĐT, được nhân dân ủng hộ, đồng tình. Bộ GDĐT đã hoàn thiện hồ sơ thuyết minh Luật điều chỉnh về nhà giáo và đã được Chính phủ thống nhất thông qua về sự cần thiết ban hành và các chính sách dự kiến đưa vào nội dung của Luật Nhà giáo.

Bộ GDĐT cũng tiến hành rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, công bố các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ hết hiệu lực năm 2022²; bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp³; phối hợp với các bộ, ngành cùng rà soát, bãi bỏ các văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và kiến nghị bãi bỏ văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ⁴; rà soát, đề xuất xử lý các văn bản hành chính của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có nội dung không phù hợp⁵. Thường xuyên thực hiện việc nắm bắt tình hình thi hành pháp luật thông qua báo cáo của các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý, thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật liên quan đến hoạt động kinh

² Quyết định số 259/QĐ-BGDĐT ngày 17/1/2023 về việc công bố các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ GDĐT hết hiệu lực trong năm 2022.

³ (1) Thông tư số 11/2023/TT-BGDĐT ngày 15/06/2023 bãi bỏ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học; (2) Thông tư số 12/2023/TT-BGDĐT ngày 15/06/2023 bãi bỏ một số thông tư do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành trong lĩnh vực giáo dục.

⁴ (1) Công văn số 2367/BGDĐT-KHTC ngày 23/5/2023 về việc bãi bỏ Thông tư số 56/2011/TT-BTC; (2) Công văn số 2159/BGDĐT-KHTC ngày 15/5/2023 về việc bãi bỏ một số Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ GDĐT trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; (3) Công văn số 946/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 10/3/2023 về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến; (4) Công văn số 2926/BGDĐT-PC ngày 16/6/2023 góp ý dự thảo thông tư bãi bỏ VBQPPL do Bộ trưởng Bộ KH-CN ban hành. (5) Công văn số 1214/BGDĐT-PC ngày 22/3/2023 về rà soát, xử lý hiệu lực VBQPPL thuộc thẩm quyền của CP, TTgCP.

⁵ Công văn số 1489/BGDĐT-PC ngày 07/4/2023 về việc rà soát văn bản hành chính của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

doanh trong lĩnh vực GDĐT.

Các Sở GDĐT đã thực hiện nhiệm vụ chủ trì hoặc tham mưu soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật trình hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quy định tại địa phương về lĩnh vực GDĐT; rà soát, đề nghị bãi bỏ các văn bản hết hiệu lực và kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các văn bản tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn; tham gia góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực GDĐT do Bộ GDĐT chủ trì, giúp các quy định của pháp luật sát với thực tiễn hơn⁶; ...

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác soạn thảo một số văn bản còn chậm tiến độ, đặc biệt là các văn bản có ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển toàn ngành như: Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Nguyên nhân chủ yếu là do văn bản có nội dung phức tạp, đối tượng chịu tác động nhiều, cần có thời gian khảo sát, nghiên cứu và tổ chức lấy ý kiến; một số văn bản thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn chậm, cần phải thống nhất với cơ quan có thẩm quyền về hình thức và nội dung; một số văn bản phải chờ văn bản cấp trên, văn bản của cơ quan chuyên môn ban hành để làm căn cứ pháp lý, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; nguồn kinh phí đầu tư cho các hoạt động triển khai các nhiệm vụ tư pháp còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ ban hành văn bản.

1.2. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo và tăng cường các hoạt động để thúc đẩy đổi mới quản trị nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và giáo dục đại học.

Nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới quản trị nhà trường, căn cứ Đề án “Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2023”⁷, Bộ GDĐT đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cao năng lực quản trị điều hành và

⁶ Sở GDĐT Cần Thơ kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện các văn bản; đề nghị Sở Tư pháp trình UBND thành phố công bố hết hiệu lực toàn bộ đối với 03 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND thành phố; ban hành Kế hoạch số 322/KH-SGDĐT ngày 09/02/2022 theo dõi thi hành pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 280/KH-SGDĐT ngày 09/02/2023 theo dõi thi hành pháp luật năm 2023; tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với thủ trưởng các cơ sở giáo dục trong việc thu và hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023 theo Nghị quyết của HĐND thành phố tại 04 phòng GDĐT, 07 cơ sở giáo dục; ...

⁷ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

tổ chức chuyên đổi số trong dạy học trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông”⁸ và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí thực hiện là 150 tỷ đồng⁹. Hiện nay, Bộ GDĐT đang triển khai thực hiện các bước theo quy định.

Đồng thời, để nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GDĐT đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nghiên cứu, xây dựng tài liệu, bộ công cụ tập huấn giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục về kỹ luật tích cực gắn với Quản trị trường học, xây dựng môi trường giáo dục, hướng tới trường học an toàn và hạnh phúc¹⁰; Kế hoạch khảo sát, biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu và tổ chức tập huấn “Nâng cao năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông có học sinh bán trú, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo chương trình giáo dục phổ thông 2018”¹¹.

Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học¹² tăng cường rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của nhà trường (đúng về thành phần, đủ về số lượng) bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Đặc biệt chú ý việc thành lập và kiện toàn hội đồng trường; hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tính pháp lý của các phân hiệu; hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc của hội đồng trường và các quy định nội bộ khác của nhà trường; trong đó, quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa hội đồng trường và ban giám hiệu theo đúng quy định; phân công trách nhiệm rõ vị trí, vai trò, chức năng của mỗi thiết chế, mỗi thành viên hội đồng trường trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu phát triển của cơ sở đào tạo, đảm bảo ổn định và phát triển cơ sở đào tạo, coi đây là công cụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị đại học. Trên cơ sở đó, các cơ sở giáo dục đại học đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản trị đại học theo hướng hiện đại cho các thành viên hội đồng trường, các cán bộ chủ chốt để quản lý, quản trị hiệu quả và thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các Sở GDĐT tiếp tục tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền¹³, tăng cường tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho đổi mới quản trị nhà trường¹⁴;

⁸ Quyết định số 1791/QĐ-BGDĐT ngày 23/6/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cao năng lực quản trị điều hành và tổ chức chuyên đổi số trong dạy học trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông”.

⁹ Tại Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

¹⁰ Kế hoạch số 1252/KH-BGDĐT số 22/09/2022 Kế hoạch nghiên cứu, xây dựng tài liệu, bộ công cụ tập huấn giáo viên, CBQL, nhân viên ngành Giáo dục về kỹ luật tích cực gắn với Quản trị trường học, xây dựng môi trường giáo dục, hướng tới trường học an toàn và hạnh phúc.

¹¹ Kế hoạch số 1440/KH-BGDĐT ngày 12/10/2022 Kế hoạch Khảo sát, biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu và tổ chức tập huấn “Nâng cao năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông có học sinh bán trú, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo chương trình giáo dục phổ thông 2018”.

¹² Công văn số 4735/BGDĐT-GDĐH ngày 23/9/2022 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với giáo dục đại học.

¹³ Thành phố Hồ Chí Minh đã phân cấp tuyển dụng cho 20 đơn vị (gồm: 11 trường THCS, 03 trường trung cấp, 02 trường mầm non, 04 trung tâm giáo dục đặc biệt).

¹⁴ Sở GDĐT Cần Thơ đã phối hợp với Sở Tài chính trình UBND thành phố ban hành các quyết định phê duyệt

phối hợp với các công ty cung cấp dịch vụ triển khai hệ thống phần mềm quản trị nhà trường, quản lý hồ sơ điện tử của giáo viên và học sinh, tích hợp dữ liệu của các cơ sở giáo dục với cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục, triển khai chữ ký điện tử tại các cơ sở giáo dục¹⁵. Các nhà trường đã chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học (việc tổ chức quản lý đã chuyển dần sang quản trị nhà trường) theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Nhận thức của một số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị nhà trường, chưa chủ động chuyển hướng từ quản lý sang quản trị nhà trường; chưa phát huy được vai trò của công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. Hội đồng trường tại một số cơ sở giáo dục đại học còn chậm được kiện toàn và chưa phát huy đúng vị thế so với kỳ vọng theo quy định của Luật Giáo dục Đại học năm 2018. Nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ đổi mới quản trị nhà trường còn hạn chế.

2. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

2.1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc tăng cường điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả, chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông¹⁶, theo đó Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và các cơ quan chức năng tại địa phương chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; tổ chức hiệu quả việc tiêm vắc xin phòng, chống COVID-19 theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế bảo đảm mục tiêu và tiến độ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Đồng thời, Bộ GDĐT ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác phòng, chống COVID-19¹⁷; tổ chức khảo sát thực trạng sức khỏe và kỹ năng của học sinh vùng

phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2022 - 2025 đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc; Sở GDĐT Lào Cai đã ban hành văn bản số 1212/SGD&ĐT-GDTrH, ngày 26/7/2022 giao quyền tự chủ của nhà trường trong thực hiện chương trình giáo dục; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, ...

¹⁵ Như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa...

¹⁶ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 31/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường điều kiện đảm bảo thực hiện hiệu quả, chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông.

¹⁷ Công văn số 1687/BGDĐT-GDTC ngày 18/4/2023 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học.

khó khăn ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 nhằm đánh giá tác động của đại dịch đối với các đối tượng dễ bị tổn thương.

Chủ động phối hợp với Bộ Y tế để chỉ đạo tổ chức tiêm phòng vắc xin COVID-19 cho trẻ em, học sinh, sinh viên¹⁸; ban hành Kế hoạch về việc tăng cường triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục¹⁹ và tổ chức Hội nghị trực tuyến ngày 23/11/2022 triển khai Kế hoạch đến 63 điểm cầu Sở Y tế và Sở GDĐT trên toàn quốc nhằm đánh giá tình hình thực hiện và quán triệt, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng, hoàn thành kế hoạch đặt ra. Đến nay đã hoàn thành cơ bản việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em, học sinh theo chỉ tiêu được giao²⁰.

Tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan một số giải pháp cấp bách để tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục, hỗ trợ nhà giáo, trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, cụ thể:

- Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến²¹.

- Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19²².

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 24/2022/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19²³.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và triển khai Kế hoạch số 3667/KH-BTTTT-BGDĐT ngày 21/09/2022 triển khai Chương trình “Sóng và máy tính cho em”²⁴.

¹⁸ Công văn số 5765/BGDĐT-GDTC ngày 02/11/2022 về việc tăng cường phối hợp tổ chức tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em, học sinh, sinh viên.

¹⁹ Kế hoạch số 1557/KH-BYT-BGDĐT ngày 18/12/2022 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT về việc phối hợp tăng cường triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục.

²⁰ Tỷ lệ tiêm mũi 1, mũi 2 cho học sinh từ 11 - 17 tuổi đạt xấp xỉ 100%, mũi 3 đạt 70%; tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ em từ 5 - 11 tuổi đạt 92,4%, mũi 2 đạt 76,5%.

²¹ Đến nay, đã có 349 cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập được vay vốn với số tiền 28,585 tỷ đồng và đã có 17.306 học sinh, sinh viên được vay với tổng số tiền là 237,715 tỷ đồng để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến.

²² Đến 31/12/2022, Ngân hàng chính sách xã hội đã phối hợp thực hiện giải ngân chương trình cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập với dư nợ đạt 194 tỷ đồng, hoàn thành 13,8% kế hoạch giai đoạn 2022-2023, giúp 2.562 cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập vay vốn.

²³ Đến nay, các địa phương đã hoàn thành việc chi trả, hỗ trợ cho 50.643 người với tổng số tiền hỗ trợ là 158.877.400.000đ (Một trăm năm mươi tám tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng).

²⁴ Đến nay, theo thông báo của các nhà tài trợ, Ban tiếp nhận điều phối đã phân bổ 92.629 máy tính cho 23 tỉnh, thành phố và đã bàn giao xong cho học sinh. Khối các ngân hàng tài trợ 250 tỷ đồng tiền mặt tương đương 100.000

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Bộ GDĐT, các Sở GDĐT cũng đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền²⁵ các chương trình, kế hoạch phòng, chống dịch; phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo thực hiện tốt quy định về phòng, chống dịch bệnh; tổ chức tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho học sinh, đảm bảo an toàn, hiệu quả; tổ chức hiệu quả việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, ứng phó với các loại hình thiên tai, dịch bệnh; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và tai nạn thương tích vào chương trình giáo dục môn học nhằm nâng cao nhận thức cho giáo viên, học sinh để chủ động phòng, tránh, ứng phó với các tình huống khi có sự cố xảy ra²⁶.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Các nguồn lực dành cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong ngành Giáo dục còn rất hạn chế. Các chính sách về hỗ trợ cho các đơn vị và người lao động của ngành Giáo dục đều theo chính sách chung, chưa tính đến mức độ, vai trò, đặc thù của ngành Giáo dục. Mặt khác, thủ tục, quy trình, thời gian hỗ trợ không được tích hợp trong các chính sách, quy định nên phát sinh nhiều hồ sơ, điều kiện, thời gian để nhận được hỗ trợ.

Việc mua sắm máy tính bảng thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” ở một số địa phương gặp nhiều khó khăn về công tác thẩm định giá và thủ tục phối hợp giữa các sở, ban, ngành, gây chậm trễ trong việc mua sắm và bàn giao máy tính cho học sinh.

2.2. Triển khai hiệu quả công tác y tế trường học, giáo dục thể chất, tăng cường bảo đảm an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025”, Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác y tế trường học, trong đó tập trung củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế trường học tại các cơ sở giáo dục; tăng cường phòng chống dịch bệnh, đảm

máy cho 6 tỉnh tự tổ chức mua sắm, hiện nay các tỉnh đã nhận được tài trợ đang làm các thủ tục mua sắm theo qui định. Chương trình VTCI (Quỹ Viễn thông công ích) của Bộ Thông tin và Truyền thông tài trợ 400.000 hiện đang tiến hành phối hợp cùng Bộ GDĐT phân bổ cho các tỉnh còn lại. Unicef đã bàn giao 1.500 máy tính bảng trong tháng 12/2021 cho 03 tỉnh (Hà Giang, Hà Tĩnh và Kon Tum), mỗi tỉnh 500 máy (Unicef không tặng trực tiếp cho học sinh mà sẽ được quản lý tại Thư viện của các trường sử dụng chung, cho học sinh mượn để học trực tuyến khi giãn cách xã hội do dịch bệnh hoặc khi thiên tai xảy ra).

²⁵ Sở GDĐT Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 2476/KH- SGDDĐT ngày 14/9/2022 về triển khai thực hiện Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025; các đơn vị chủ động phối hợp với ngành Y tế địa phương trong việc thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh (dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác...), bảo đảm các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong phòng chống dịch bệnh;

²⁶ Như Lai Châu, Cao Bằng, Cần Thơ,

bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe tâm thần học sinh và triển khai mô hình đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động vận động thể lực; phối hợp với UNICEF và Bệnh viện Nhi Trung ương tổ chức khảo sát về sự suy giảm sức khỏe, thiếu hụt kỹ năng của trẻ em sau đại dịch COVID-19²⁷.

Trong năm học 2022 - 2023, Bộ GDĐT đã ban hành công văn²⁸ đề nghị các Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm các quy định của Luật An toàn thực phẩm và sử dụng hiệu quả Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học²⁹; cho học sinh trung học cơ sở (THCS)³⁰; Công điện về việc đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, học sinh và ứng phó với nắng nóng tại các cơ sở giáo dục³¹; Công văn yêu cầu các Sở GDĐT, các đại học, học viện, trường đại học và cao đẳng sư phạm tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống và kiểm soát tình hình dịch COVID-19, không để dịch bùng phát và lây lan trong trường học³²; tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục³³; triển khai Tháng an toàn thực phẩm năm 2023³⁴; Kế hoạch hành động của Ngành giáo dục về công tác nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học giai đoạn 2023 - 2026³⁵.

Xây dựng các chương trình, tài liệu hướng dẫn chuyên môn và tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực đội ngũ, như: ban hành Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhân viên y tế trường học và xây dựng các tài liệu thuộc Chương trình bồi dưỡng³⁶; ban hành tài liệu phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm thường gặp ở học sinh³⁷; ban hành và hướng dẫn sử dụng Bộ tài liệu truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá mới và tài liệu Hướng dẫn giáo dục lồng ghép phòng, chống tác hại của thuốc lá trong bài giảng môn học, hoạt động giáo dục cấp THCS³⁸; ban hành Tài liệu hướng dẫn Xây dựng mô hình Câu lạc bộ thể thao trong

²⁷ Công văn số 5441/BGDĐT-GDTC ngày 18/10/2022 về việc Phối hợp khảo sát thực trạng sức khỏe và kỹ năng của học sinh vùng khó khăn ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

²⁸ Công văn số 988/BGDĐT-GDTC ngày 13/3/2023 về việc tăng cường biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

²⁹ Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 Phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học.

³⁰ Quyết định số 4280/QĐBGDĐT ngày 14/12/2022 Phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh THCS.

³¹ Công điện số 779/CD-BGDĐT ngày 19/5/2023 về việc đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, học sinh và ứng phó với nắng nóng tại các cơ sở giáo dục.

³² Công văn số 1687/BGDĐT-GDTC ngày 18/4/2023 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học.

³³ Công văn số 6141/BGDĐT-GDTC ngày 21/11/2022 về việc tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

³⁴ Công văn số 1410/BGDĐT-GDTC ngày 14/4/2022 về việc Triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2022.

³⁵ Quyết định số 1579/QĐ-BGDĐT ngày 07/6/2023 Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục về công tác nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học giai đoạn 2023 - 2026.

³⁶ Quyết định số 4202/QĐ-BGDĐT ban hành Chương trình bồi dưỡng; Quyết định số 982/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2023 thành lập các ban soạn thảo thuộc Chương trình bồi dưỡng.

³⁷ Công văn số 5824/BGDĐT-GDTC ngày 07/11/2022 về việc Phối hợp xây dựng tài liệu phòng, chống bệnh truyền nhiễm cho trẻ em trong trường học.

³⁸ Quyết định số 3974/QĐ-BGDĐT ngày 01/12/2022 phê duyệt Tài liệu hướng dẫn giáo dục lồng ghép phòng, chống tác hại của thuốc lá trong bài giảng môn học, hoạt động giáo dục cấp trung học cơ sở.

trường THCS dùng cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên làm công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường THCS³⁹; ban hành tài liệu hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em, học sinh⁴⁰; các tài liệu truyền thông về phòng, chống đuối nước cho trẻ em, học sinh trong trường học; ban hành công văn yêu cầu các Sở GDĐT tăng cường đảm bảo an toàn trường học⁴¹.

Đồng thời, tổ chức tập huấn phòng chống đuối nước, bơi, cứu đuối an toàn và sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em, học sinh năm 2023; tập huấn về truyền thông, giáo dục phòng chống tác hại của thuốc lá mới trong học sinh; khảo sát thực tế về thực trạng hoạt động dạy bơi ở tại cơ sở giáo dục⁴²; Tổ chức phát động hưởng ứng và Giải Chạy dành cho học sinh, sinh viên “S-Race 2022”⁴³ với sự tham gia trực tiếp và trực tuyến của hơn 30.000 học sinh, sinh viên, thầy cô giáo; tổ chức Giải Thể thao học sinh phổ thông toàn quốc năm 2023 với chủ đề “Thể thao mang lại sức khỏe, sức khỏe khơi nguồn sáng tạo” nhằm nâng cao sức khỏe, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh⁴⁴; triển khai công tác chuẩn bị để tổ chức Đại hội thể thao học sinh Đông Nam Á lần thứ 13 năm 2023 tại Việt Nam; thành lập đoàn Thể thao sinh viên tham dự Đại hội Thể thao sinh viên Thế giới tại Trung Quốc⁴⁵.

Các Sở GDĐT cũng đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môn giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong các cơ sở giáo dục; chú trọng bảo đảm an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh; tăng cường công tác y tế, giáo dục thể chất trong nhà trường⁴⁶.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Cơ cấu tổ chức về y tế trường học tại một số địa phương chưa đồng bộ, chưa cụ thể đầu mối dẫn đến nhiều khó khăn trong triển khai. Mạng lưới nhân viên y tế trong các trường học thiếu về số lượng, chưa bảo đảm chất lượng, chuyên môn nghiệp vụ; chế độ chính sách cho nhân viên y tế trong trường học chưa đảm bảo.

³⁹ Quyết định số 898/QĐ-BGDĐT ngày 28/3/2023 ban hành tài liệu hướng dẫn Xây dựng mô hình Câu lạc bộ thể thao trong trường THCS.

⁴⁰ Quyết định số 966/QĐ-BGDĐT ngày 05/04/2023 phê duyệt Tài liệu hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em, học sinh.

⁴¹ Công văn số 1369/BGDĐT-GDTC ngày 31/3/2023 của Bộ GDĐT về việc tăng cường đảm bảo an toàn trường học.

⁴² Từ tháng 5 đến tháng 6/2023 đã tiến hành khảo sát tại: Phú Yên, Cần Thơ, Phú Thọ

⁴³ Đây là giải chạy được tổ chức Kỷ lục Châu Á công nhận là giải chạy học đường có số lượng học sinh, sinh viên tham gia nhiều nhất.

⁴⁴ Có gần 2000 vận động viên, 600 cán bộ đoàn và huấn luyện viên đến từ hơn 40 tỉnh/thành phố tham dự các nội dung thi: Bơi và Vovinam tại Đồng Tháp; Điền kinh, Bóng đá, Cầu lông tại Thừa Thiên Huế.

⁴⁵ Với sự tham dự của 14 cán bộ, huấn luyện viên và vận động viên tham gia thi đấu 03 môn: Taekwondo, Bơi và Điền kinh.

⁴⁶ Sở GDĐT Đắk Lắk ban hành các văn bản chỉ đạo giáo dục pháp luật về chăm sóc bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực học đường, phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội và phát huy hiệu quả các hoạt động Đoàn, Hội, Đội trong trường học trong phòng chống tệ nạn xã hội; Sở GDĐT Cần Thơ phối hợp với ngành Y tế tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn trẻ em, HS kiến thức, kỹ năng bảo vệ sức khỏe của bản thân, phòng chống dịch bệnh COVID-19, các dịch bệnh mới nổi và tái nổi khác như: Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Sởi, Rubella, Cúm A, Đậu mùa khỉ,...; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh, các bệnh không lây nhiễm và kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học;...

Công tác truyền thông các vấn đề liên quan đến phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước đôi khi còn bị động, chưa kịp thời, đầy đủ; chưa bao phủ hết đến những vùng sâu, xa, vùng khó khăn nên việc hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước ở một số nơi còn hạn chế.

3. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, quốc phòng an ninh cho học sinh

3.1. *Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở GDĐT*

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”⁴⁷ gắn với lộ trình thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”⁴⁸ và nghiên cứu, xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên⁴⁹.

Chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác xã hội, công tác tư vấn tâm lý trong trường học; đẩy mạnh việc triển khai đồng bộ từ cấp trung ương xuống các địa phương. Ban hành các kế hoạch⁵⁰ và tổ chức triển khai nhiều hoạt động nâng cao năng lực về công tác xã hội và tư vấn tâm lý trong trường học cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức và bồi dưỡng kỹ năng về vai trò của việc tư vấn tâm lý cho học sinh có nguy cơ, suy nghĩ, hành vi tự hại và tự tử, như: tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về triển khai công tác xã hội, tư vấn tâm lý học đường tại các cơ sở giáo dục⁵¹; tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên triển khai tư vấn tâm lý⁵²; biên soạn,

⁴⁷ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030".

⁴⁸ Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”.

⁴⁹ Theo Kế hoạch số 1085/KH-BGDĐT ngày 22/6/2023 xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên.

⁵⁰ Quyết định số 950/QĐ-BGDĐT ngày 03/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch tài chính năm 2023 của dự án Phát triển công tác xã hội và tư vấn tâm lý trong trường học giai đoạn 2022-2024 do Tổ chức GNI viện trợ; Kế hoạch số 493/KH-BGDĐT ngày 30/3/2023 triển khai Chương trình hợp tác giữa Bộ GDĐT và Room to Read về hỗ trợ tư vấn tâm lý học đường và giáo dục các kỹ năng cơ bản nhằm đạt được các phẩm chất, năng lực quy định trong Chương trình GDPT 2018 cấp THCS và THPT năm 2023; Kế hoạch số 735/KH-BGDĐT ngày 10/5/2023 biên soạn Tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong trường học và Tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý trong trường học; Kế hoạch số 736/KH-BGDĐT ngày 10/5/2023 thí điểm mô hình công tác xã hội trường học ở các cơ sở giáo dục.

⁵¹ Theo Kế hoạch số 524/KH-BGDĐT ngày 04/4/2023 tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về triển khai công tác xã hội, tư vấn tâm lý học đường tại các cơ sở giáo dục và đã tổ chức ngày 18/5/2023 tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

⁵² Kế hoạch số 769/KH-BGDĐT ngày 18/5/2023 về Tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên triển khai tư vấn tâm lý trong các cơ sở giáo dục; đã tổ chức vào ngày 08 - 09/6/2023 tại Hà Nội.

phê duyệt và phát hành miễn phí Tài liệu về công tác xã hội, tư vấn tâm lý cho cán bộ, giáo viên ở các trường phổ thông⁵³.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ GDĐT, các Sở GDĐT đã ban hành các văn bản triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh⁵⁴; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở GDĐT⁵⁵; hướng dẫn học sinh, giáo viên tích cực tham gia Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tám gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Các cơ sở giáo dục cũng đã quan tâm nắm bắt tình hình tư tưởng chính trị của học sinh, do đó trong năm học không có các vụ việc liên quan đến các hoạt động làm mất an ninh chính trị, kể cả trên môi trường mạng.

b. Tôn tại, hạn chế, nguyên nhân

Việc nắm bắt thông tin, định hướng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tốt đẹp cho thế hệ trẻ qua môi trường mạng gặp nhiều khó khăn. Nội dung thông tin trên các trang mạng xã hội chưa được kiểm soát chặt chẽ, một số nội dung chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống chưa gắn với đời sống của thế hệ trẻ.

Một bộ phận thanh niên, thiếu niên có biểu hiện lệch lạc về phẩm chất đạo đức, lối sống; bạo lực học đường vẫn diễn ra phức tạp tại một số địa phương. Tình trạng bắt nạt, căng thẳng, trầm cảm hoặc khó khăn về tâm lý vẫn còn xảy ra đối với nhiều học sinh.

Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế. Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong giáo dục học sinh ở nhiều nơi còn chưa thường xuyên, chặt chẽ.

3.2. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, môn học giáo dục quốc phòng, an ninh tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc giáo dục ý thức trách nhiệm của công dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành cho học sinh, sinh viên các phẩm chất, năng lực chung; giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Năm học 2022 - 2023, Bộ GDĐT đã tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng, an ninh cho các trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục đại học tự chủ môn học giáo dục quốc phòng, an ninh và trung tâm giáo dục quốc

⁵³ Tài liệu hướng dẫn thí điểm mô hình công tác xã hội và tư vấn tâm lý tại các cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt theo Quyết định số 1480/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 24/5/2023.

⁵⁴ Sở GDĐT Quảng Nam tổ chức tập huấn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước cho cán bộ giáo viên; ...

⁵⁵ Sở GDĐT Thanh Hóa sử dụng Bộ tài liệu "Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh trong nhà trường", lồng ghép, tích hợp nội dung lịch sử Đảng bộ tỉnh, truyền thống cách mạng của tỉnh Thanh Hóa theo Kế hoạch 87-KH/TU ngày 15/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ...

phòng, an ninh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học môn giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên⁵⁶.

Đối với cấp tiểu học và THCS, giáo dục quốc phòng, an ninh được học lồng ghép qua các nội dung môn học trong chương trình kết hợp với hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi bảo đảm cho học sinh hình thành những hiểu biết ban đầu về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc, hiểu biết về lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

Đối với cấp THPT, các Sở GDĐT đã thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, tổ chức dạy và học môn học giáo dục quốc phòng, an ninh⁵⁷, qua đó giúp học sinh tìm hiểu về nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Đối với các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học, nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh cho sinh viên tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh⁵⁸, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng, an ninh; nội dung, chương trình từng bước được chuẩn hóa; thường xuyên đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, tăng cường vận dụng phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết với thực hành; kết hợp chặt chẽ giữa môn giáo dục quốc phòng, an ninh với các môn học và hoạt động khác giúp sinh viên phát triển năng lực một cách toàn diện. Bộ GDĐT đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh Trung ương thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác giáo dục quốc phòng, an ninh của các trung tâm, cơ sở giáo dục đại học tự chủ dạy môn giáo dục quốc phòng, an ninh, bảo đảm tổ chức dạy học chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng quy định. Vì vậy, chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh và ý thức, trách nhiệm tham gia bảo vệ Tổ quốc của sinh viên ngày càng được nâng lên.

Đồng thời, tổ chức Hội thao Giáo dục Quốc phòng và an ninh học sinh THPT toàn quốc lần thứ III⁵⁹, nhằm đẩy mạnh phong trào học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh và góp phần kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy và học môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cấp THPT của các Sở GDĐT trên toàn quốc; phát hiện những tập thể, cá nhân xuất sắc để xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến, thúc đẩy phong trào thi đua học tập; rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp để chỉ đạo thực hiện tốt hơn công tác giáo dục quốc phòng và

⁵⁶ Tổ chức 02 cuộc tập huấn ở khu vực phía Bắc và phía Nam cho 733 học viên là cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học GDQPAN đại diện cho 63 sở giáo dục và đào tạo, 3 trường trung học phổ thông trực thuộc Bộ, 38 trung tâm GDQPAN, 55 cơ sở giáo dục đại học tự chủ môn học GDQPAN trên phạm vi cả nước.

⁵⁷ Trong năm học 2022 - 2023, có trên 2.800.000 học sinh được học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

⁵⁸ Trong năm học 2022 - 2023, đã có trên 460.000 sinh viên được học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

⁵⁹ Với sự tham gia của 54 đoàn, trong đó 53 đoàn Sở GDĐT và 1 trường Trung học phổ thông, với vận động viên là học sinh Trung học phổ thông tham gia.

an ninh trong những năm tiếp theo.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác quản lý, tổ chức dạy và học môn học giáo dục quốc phòng, an ninh ở một số cơ sở giáo dục còn thiếu chặt chẽ; chất lượng học tập môn học giáo dục quốc phòng, an ninh chưa cao; đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng, an ninh còn thiếu; số lượng giáo viên, giảng viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng dạy học môn học giáo dục quốc phòng, an ninh còn nhiều; chính sách đối với giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng, an ninh chưa được quan tâm đúng mức; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học môn học giáo dục quốc phòng, an ninh còn thiếu, chưa đồng bộ như vũ khí, trang bị, cơ sở vật chất, thao trường bãi tập.

Nguyên nhân là do một số địa phương, cơ sở giáo dục chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục quốc phòng, an ninh. Đội ngũ giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng, an ninh còn thiếu, nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo phải sử dụng giáo viên kiêm nhiệm không đúng chuyên môn để giảng dạy. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học môn học giáo dục quốc phòng, an ninh của một số địa phương và cơ sở giáo dục tuy được quan tâm nhưng chưa tương xứng, còn thiếu so với nhu cầu; các trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh thành lập theo quyết định số 638/QĐ-TTg ngày 21/5/2009 và Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 10/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ mới được đầu tư xây dựng giai đoạn 1, cơ sở vật chất sử dụng nhiều năm đã xuống cấp nhưng chưa có kinh phí tu sửa và hoàn thiện.

3.3. Tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường và đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn, phòng chống bạo lực học đường

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã xây dựng, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị “Về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường”⁶⁰ và ban hành Kế hoạch⁶¹ triển khai Chỉ thị để tổ chức thực hiện trong toàn ngành, nhằm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa học đường.

Phối hợp với Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội tổ chức Hội nghị “Đẩy mạnh công tác xây dựng văn hóa học đường” theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến với sự tham gia của 63 điểm cầu tại các tỉnh/thành phố, nhằm đánh giá thực trạng triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường, định hướng vai trò của công tác xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới GDĐT; xác định nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong công tác xây dựng văn hóa học đường đảm bảo chất lượng, hiệu

⁶⁰ Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

⁶¹ Quyết định số 54/QĐ-BGDĐT ngày 09/01/2023 về việc ban hành kế hoạch triển khai chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác xây dựng văn hóa học đường của ngành Giáo dục.

quả; định hướng đẩy mạnh công tác xây dựng văn hóa học đường cho thế hệ trẻ gắn xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong mối quan hệ thống nhất, biện chứng, tạo nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Nhằm tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường, Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Công an ký kết và triển khai Chương trình phối hợp giữa hai Bộ trong việc tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2022 - 2025; ban hành và triển khai Dự án “Phòng chống ma túy trong học sinh, sinh viên đến năm 2025” và Dự án “Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong học sinh, sinh viên đến năm 2025 định hướng 2030”; phối hợp với Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam tổ chức Cuộc thi “Học sinh với an toàn thông tin năm 2023”; phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ về phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm; chỉ đạo triển khai công tác giáo dục bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, giáo dục phòng cháy chữa cháy và phòng chống bạo lực học đường.

Bên cạnh đó, nhằm nắm bắt tình hình, quán triệt, tăng cường chỉ đạo các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn 05 tỉnh Tây Nguyên trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm an ninh chính trị cho học sinh, sinh viên trong thời gian tới, Bộ GDĐT đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức các hoạt động về công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm an ninh chính trị trong trường học năm 2023⁶².

Đến nay, hầu hết các địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị “Về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường”; nhiều địa phương tổ chức xây dựng các mô hình giáo dục sáng tạo, phong trào xây dựng văn hóa học đường phù hợp với thực tiễn, được học sinh hào hứng tham gia⁶³. Các Sở GDĐT đã nghiêm túc cụ thể hóa, xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Chương trình về phòng, chống tội phạm, AIDS, ma túy, mại dâm và vi phạm pháp luật năm 2023 (trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo chủ đề vào những đợt cao điểm, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt cuối tuần và lồng ghép vào các môn học chính khóa, các hoạt động giáo dục tập thể khác); công tác xử lý các vụ việc xảy ra kịp thời, hiệu quả, có sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể trên địa bàn.

⁶² Kế hoạch số 1118/KH-BGDĐT ngày 30/6/2023.

⁶³ Sở GDĐT Cao Bằng 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh vận dụng linh hoạt Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT để xây dựng Bộ quy tắc ứng xử thực hiện trong mỗi đơn vị với sự tham gia và cam kết của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh.; phát triển mô hình Câu lạc bộ dân ca, dân vũ và các CLB văn nghệ của các nhà trường chú trọng việc luyện tập, biểu diễn, giới thiệu các làn điệu dân ca như hát Then - đàn Tính, hát Sli - Lượn, hát Páo dung, múa Châu... trong các hội thi, hội diễn văn nghệ, chương trình ngoại khóa... từ đó góp phần lưu truyền, lan tỏa các làn điệu dân ca đặc sắc của địa phương; ...

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bạo lực học đường còn xảy ra ở nhiều nơi, việc trang bị kỹ năng sống cho học sinh để tự bảo vệ trước các vấn đề về bạo lực học đường chưa được đầy đủ, toàn diện ở nhiều nơi. Công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc quản lý học sinh, đảm bảo môi trường an toàn cho học sinh học tập, rèn luyện chưa thực sự hiệu quả.

3.4. Tăng cường hoạt động tư vấn kỹ năng nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã ban hành các kế hoạch để triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” năm 2023 của Bộ GDĐT⁶⁴. Tổ chức thành công Tọa đàm truyền cảm hứng khởi nghiệp cho học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Vĩnh Phúc nhằm trao đổi, thảo luận về thực trạng giáo dục khởi nghiệp tại các trường phổ thông; hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp; trên cơ sở đó đưa ra những phương án và giải pháp xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ngay từ bậc phổ thông, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và khởi tạo những ý tưởng khi các em còn học ở trường phổ thông.

Tổ chức thành công Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” lần thứ V nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, thương mại hóa hình thành các dự án khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục. Đồng thời, tổ chức thành công “Ngày hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ V năm 2023” với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, đại diện các trường đại học, trường phổ thông, các doanh nghiệp, nhà đầu tư quan tâm đến khởi nghiệp sáng tạo và hàng nghìn học sinh, sinh viên. Sau 4 lần tổ chức, Ngày hội khởi nghiệp quốc gia đã thu hút hơn 20.000 người tham dự với hơn 2.500 ý tưởng, dự án khởi nghiệp đến từ học sinh, sinh viên, 70% các dự án đã có sản phẩm và 30% dự án là ý tưởng hoặc sản phẩm đang ở mức sản xuất thử.

Các địa phương, các cơ sở đào tạo ngày càng quan tâm tới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”, Kế hoạch triển khai Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ GDĐT quy định về công tác tư vấn, nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp⁶⁵; chủ động tổ chức

⁶⁴ Kế hoạch số 780/KH-BGDĐT ngày 19/5/2023 về việc triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” năm 2023 của BGDĐT; Kế hoạch số 1050/KH-BGDĐT ngày 14/6/2023 về việc triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 của BGDĐT.

⁶⁵ Sở GDĐT Cao Bằng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch số 4324/KH-UBND ngày 26/12/2018 về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”; Kế hoạch số 3175/KH-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; ...

các Tọa đàm truyền cảm hứng khởi nghiệp cho học sinh các cấp bậc học, nhằm trao đổi, cung cấp thông tin, truyền cảm hứng khởi nghiệp cho học sinh⁶⁶; bằng nhiều giải pháp hỗ trợ khác nhau, số lượng dự án của học sinh phổ thông ngày càng tăng, hàm lượng khoa học trong các dự án ngày càng nâng cao, giải quyết các vấn đề của cộng đồng, địa phương. Nhiều địa phương đã đưa ra các giải pháp nhằm từng bước xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ngay từ phổ thông, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và khởi tạo những ý tưởng khi các em còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Các cơ sở đào tạo đã tổ chức các lớp kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên⁶⁷; hình thành quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp⁶⁸.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Các trường phổ thông hiện nay chủ yếu vẫn quan tâm đến việc dạy kiến thức, công tác hướng nghiệp, khởi nghiệp còn hình thức, chủ yếu do các trường đại học tổ chức hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh. Công tác phối hợp để tạo môi trường trải nghiệm, hướng nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp của các doanh nghiệp với các trường phổ thông còn chưa được triển khai hoặc triển khai rất hình thức.

4. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT

4.1. Bảo đảm số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các địa phương rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục⁶⁹; phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ tham mưu trình Bộ Chính trị phê duyệt 65.980 biên chế giáo viên bổ sung cho các địa phương trong giai đoạn 2022 - 2026; tham mưu Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế tuyển dụng hợp đồng lao động⁷⁰ để các cơ sở giáo dục được ký kết hợp đồng lao động góp phần giải quyết khó khăn về thiếu giáo viên, hỗ trợ các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện triển khai Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông theo quy định. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập⁷¹ để làm căn cứ pháp lý cho các địa phương thực hiện việc tuyển dụng, sử

⁶⁶ Sở GDĐT Quảng Nam phối hợp với Tạp chí Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh, Báo Tuổi trẻ tổ chức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh khối 12, có gần 4.000 học sinh tham dự; phối hợp với Tỉnh đoàn tổ chức Diễn đàn khởi nghiệp; tổ chức tập huấn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước cho hơn 200 cán bộ giáo viên; ...

⁶⁷ Như: Chuỗi tập huấn “Kết nối giá trị - khơi dậy tiềm năng” của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh với sự đồng hành của Quỹ ITI FUND; Khóa đào tạo kỹ năng khởi nghiệp, lập nghiệp cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo của Trường Đại học Tây Bắc; Chương trình tập huấn kiến thức Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Hồng Đức; ...

⁶⁸ Quỹ BK-Funds của Đại học Bách khoa Hà Nội

⁶⁹ Kế hoạch số 332/KH-BGDĐT ngày 25/3/2022 về việc rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục.

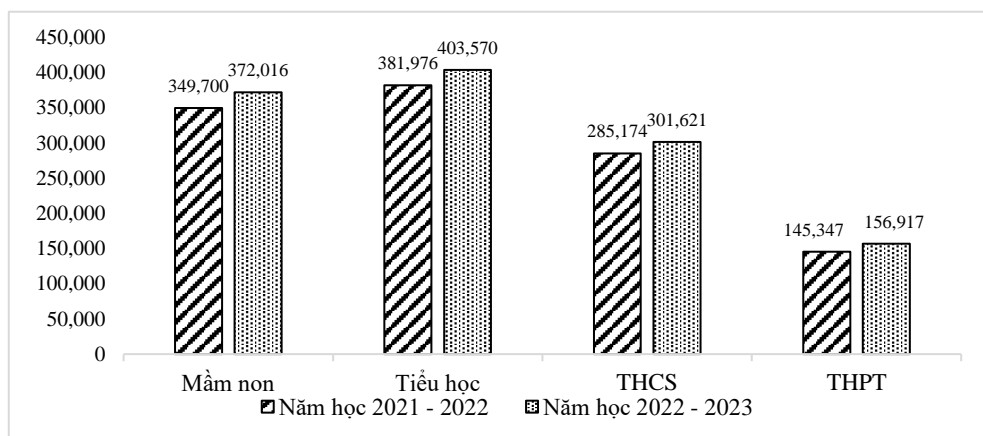
⁷⁰ Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

⁷¹ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề

dụng và quản lý giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Bộ GDĐT đã tổ chức rà soát, khảo sát việc thực hiện chế độ làm việc giáo viên phổ thông; thực trạng chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập để nắm bắt tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập⁷². Từ đó, đề xuất các chính sách đặc thù nhằm nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; đồng thời, tạo động lực cho đội ngũ giáo viên yên tâm công tác và gắn bó với nghề.

Năm học 2022 - 2023, đội ngũ nhà giáo phát triển về số lượng, khắc phục dần những bất cập về cơ cấu. Tính đến hết năm học 2022 - 2023, theo thống kê sơ bộ trên cơ sở dữ liệu ngành, tổng số giáo viên mầm non, phổ thông là 1.234.124 người (tăng 71.927 người so với năm học 2021- 2022, trong đó công lập chiếm 88,57%, ngoài công lập chiếm 11,43%); 100.135 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (công lập chiếm 90,4%, ngoài công lập chiếm 9,6%).



Số lượng giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

[Nguồn: Thống kê sơ bộ cơ sở dữ liệu ngành]

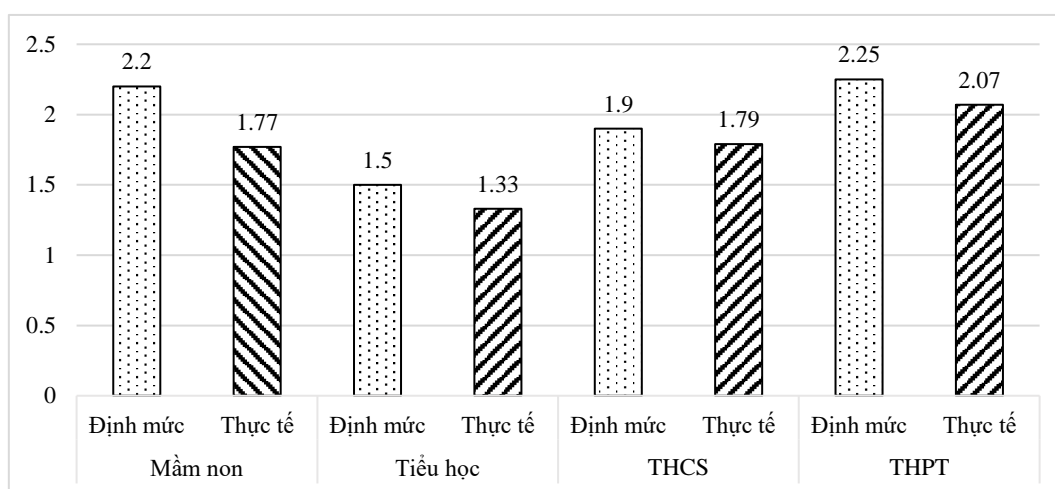
Các địa phương đã triển khai công tác tuyển dụng giáo viên theo chỉ tiêu biên chế được giao; tích cực chăm lo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bố trí, sử dụng đội ngũ cơ bản đảm bảo theo khung năng lực vị trí việc làm, chuyên môn đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; quan tâm thực hiện các chế độ, chính sách cho đội ngũ theo quy định chung và tham mưu ban hành các chính sách đặc thù của địa phương nhằm động viên, thu hút đội ngũ yên tâm công tác⁷³.

nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập

⁷² Kế hoạch số 515/KH-BGDĐT ngày 03/4/2023

⁷³ Sở GDĐT Tuyên Quang tiếp tục thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý trong toàn ngành để bổ nhiệm, tạo bước đột phá trong công tác cán bộ, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý giáo dục; trong năm học, toàn tỉnh đã tổ chức thi tuyển được 13 vị trí (01 vị trí Phó Giám đốc Sở GDĐT; 01 vị trí Phó Trưởng phòng GDĐT; 04 vị trí Hiệu trưởng; 07 vị trí Phó Hiệu trưởng); Sở GDĐT Hòa Bình thực hiện tốt công tác bồi

Tuy nhiên, tại các địa phương, biên chế sự nghiệp giáo dục được giao bổ sung không đáp ứng được nhu cầu giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, đồng thời, việc thực hiện yêu cầu của Chính phủ tinh giản biên chế 10% đã làm tình trạng thiếu giáo viên càng chậm được khắc phục. Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục là một thách thức lớn đối với ngành Giáo dục. Tỷ lệ giáo viên/lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên cả nước (chỉ tính giáo viên trong biên chế) còn thấp hơn so với quy định⁷⁴.



Tỷ lệ giáo viên/lớp năm học 2022 - 2023

[Nguồn: Thống kê sơ bộ cơ sở dữ liệu ngành]

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông công lập ở nhiều địa phương trên cả nước. Theo thống kê sơ bộ trên cơ sở dữ liệu ngành, hiện nay cả nước còn thiếu 118.253 giáo viên, tăng thêm 11.308 người thiếu so với năm học 2021 - 2022 (cấp mầm non tăng 7.887 người, cấp tiểu học tăng 169 người, cấp THCS tăng 1.207 người, cấp THPT tăng 2.045 người).

Cơ cấu đội ngũ nhà giáo còn mất cân đối giữa các môn học trong cùng một cấp học, giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau; tình trạng thừa, thiếu giáo viên còn diễn ra phổ biến tại nhiều địa phương, nhất là giáo viên dạy các môn học mới (các môn tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật) nhưng chậm được khắc phục⁷⁵; chỉ tiêu phân bổ giáo viên cho các địa phương đa số thấp hơn so với nhu cầu thực tế.

dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy định; Sở GDĐT Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 08 năm 2021 về Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tự thực ở nơi có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo các cơ sở giáo dục chủ động rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ CBQL, giáo viên linh hoạt, tiết kiệm đảm bảo đủ giáo viên đáp ứng cho công tác giảng dạy tại các đơn vị trường học; ...

⁷⁴ Những vùng có tỉ lệ thấp nhất cả nước là: Vùng miền núi phía Bắc có tỉ lệ giáo viên mầm non/lớp là 1,6; Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam bộ có tỉ lệ giáo viên tiểu học/lớp là 1,29; Vùng Đông Nam Bộ có tỉ lệ giáo viên THCS/lớp là 1,69; Vùng đồng bằng sông Hồng có tỉ lệ giáo viên THPT/lớp là 1,92.

⁷⁵ Tiếng Anh, tin học trước đây là môn tự chọn nay đưa vào chương trình bắt buộc từ lớp 3; bổ sung mới môn nghệ thuật cấp THPT; các môn học tự chọn như tiếng dân tộc thiểu số.

Nguyên nhân chính dẫn đến số giáo viên cấp học mầm non còn thiếu cao hơn so với năm học trước là do số trẻ đến trường năm học 2022 - 2023 tăng thêm 132.245 trẻ so với năm học trước (tương đương cần tăng thêm khoảng 5.500 giáo viên). Cấp tiểu học, tỉ lệ lớp học 2 buổi/ngày năm học 2022 - 2023 tăng 4,6% so với năm học trước (tương đương tăng 10.811 lớp học 2 buổi/ngày, cần tăng thêm khoảng 3.000 giáo viên). Cấp THPT tăng 669 lớp so với năm học trước (tương đương cần tăng thêm khoảng 1.500 giáo viên). Ngoài ra, năm học 2022 - 2023 toàn quốc có hơn 19.300 giáo viên công lập nghỉ hưu và nghỉ việc (gồm 10.094 giáo viên nghỉ hưu và 9.295 giáo viên nghỉ việc).

Ngoài ra, do công tác quy hoạch, dự báo nhu cầu giáo viên chưa sát, không theo kịp thực tế; biến động dân số, dịch chuyển lao động giữa các vùng miền với số lượng lớn và không có quy luật; Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 quy định Tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày; thêm một số môn học mới, bắt buộc⁷⁶, thêm tiết học giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Việc tuyển dụng giáo viên phổ thông ở các địa phương còn bất cập, chưa kịp thời do thiếu nguồn tuyển (theo quy định chuẩn trình độ đào tạo tại Luật Giáo dục 2019); thiếu cơ chế thu hút và giữ giáo viên gắn bó với nghề, lương giáo viên mới được tuyển dụng thấp⁷⁷; việc thực hiện chủ trương tinh giản 10% biên chế trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở nhiều địa phương còn thực hiện một cách cơ học. Một số địa phương không tuyển dụng mới giáo viên để thực hiện chủ trương tinh giản 10% biên chế.

4.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Kết quả đạt được

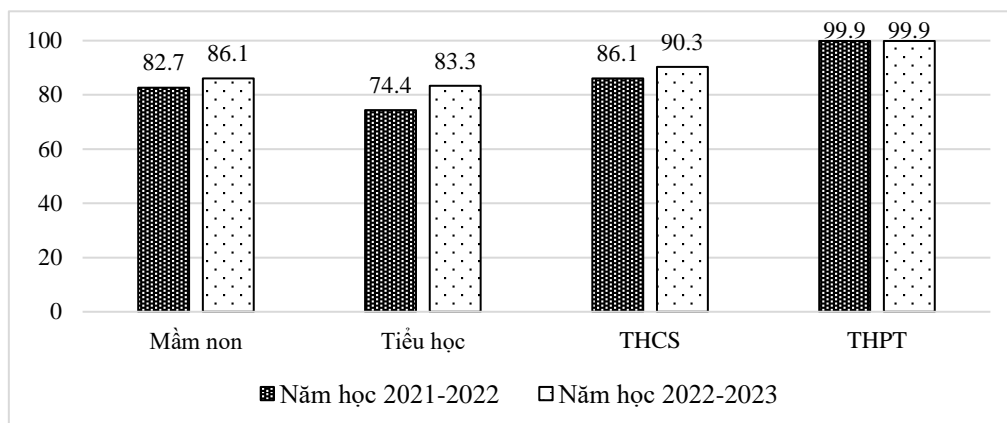
Để thực hiện việc nâng chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo theo Luật Giáo dục 2019, Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS. Theo đó, các địa phương đang phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên để thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo lộ trình.

Tính đến hết năm học 2022 - 2023, tỷ lệ đạt chuẩn được đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 của cấp mầm non là 86,3%, cấp tiểu học là 83,3%, cấp THCS là 90,3%, cấp THPT là 99,9%. Năng lực sư phạm của phần lớn nhà giáo được nâng lên, bước đầu đáp ứng được yêu cầu cơ bản về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học. Đội ngũ cán bộ quản lý phần lớn đều là các nhà giáo giỏi được điều động sang làm công tác quản lý, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, cơ bản đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, quản lý ở các cơ sở giáo dục và các

⁷⁶ Tiểu học: từ lớp 3 bắt buộc phải học Tin học, Ngoại ngữ; THPT: thêm 2 môn Nghệ thuật, Âm nhạc trước đây chỉ là những môn tự chọn, học thêm.

⁷⁷ Theo thống kê từ hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, năm học 2021 - 2022 có 16.265 giáo viên nghỉ việc, chuyển việc ra khỏi ngành giáo dục; trong đó, số giáo viên công lập nghỉ việc là 10.407 người, số giáo viên ngoài công lập nghỉ việc là 5.858 người.

cơ quan quản lý giáo dục.



Tỷ lệ % giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023

[Nguồn: Thống kê sơ bộ cơ sở dữ liệu ngành]

Công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được các địa phương quan tâm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁷⁸. Các Sở GDĐT thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ tham gia học tập chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị; tham gia đào tạo nâng chuẩn trình độ. Thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu để đảm bảo đủ về cơ cấu, số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ; gắn với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên⁷⁹.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Việc thực hiện đào tạo nâng chuẩn ở các địa phương chưa đồng đều, một số nơi tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 còn thấp như cấp mầm non ở vùng Đông Nam Bộ (tỷ lệ đạt chuẩn là 75,4%), cấp tiểu học ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (tỷ lệ đạt chuẩn là 77%). Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục không đồng đều, đặc biệt là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, còn khoảng cách lớn so với các vùng thuận lợi.

⁷⁸ Công văn số 2104/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 12/5/2023 về việc Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2023 và các năm tiếp theo.

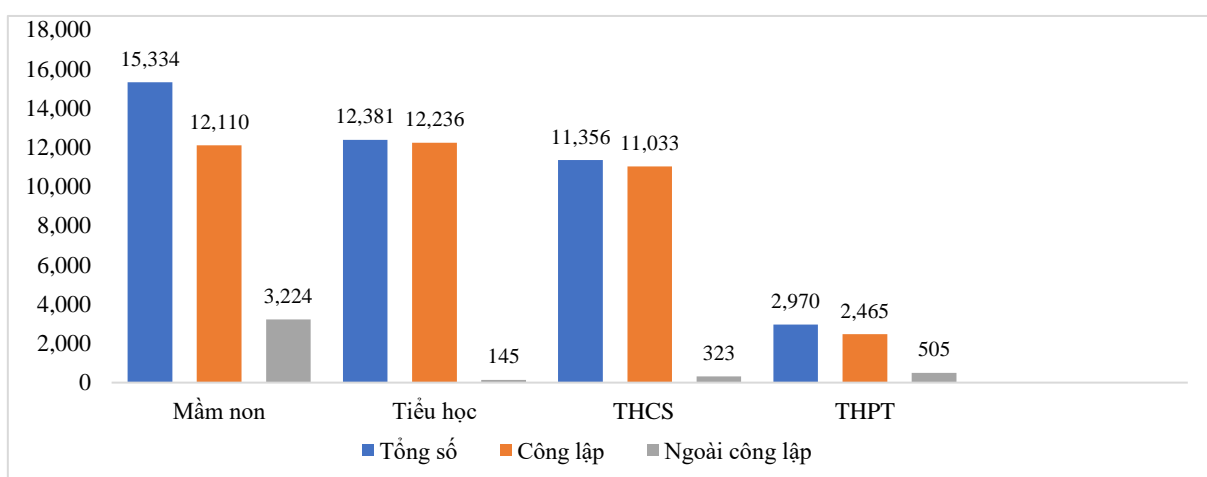
⁷⁹ Sở GDĐT Sơn La đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 17/8/2022 về việc bồi dưỡng giáo viên tiểu học dạy Tin học và Công nghệ lớp 3 trong năm học 2022 - 2023 và ban hành Kế hoạch số 06/KH-SGDĐT ngày 06/01/2023 về việc ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Công văn số 1325/SGDĐT-TCCB&CTTT ngày 11/7/2022 về việc rà soát, đăng ký nhu cầu bồi dưỡng giáo viên dạy Tin học cấp tiểu học; Công văn số 1455/SGDĐT-TCCB&CTTT ngày 03/8/2022 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Sở GDĐT Nam Định tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí Bồi dưỡng giáo viên dạy các môn Tin học và Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý thực hiện CTGDPT2018; Sở GDĐT Tuyên Quang tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 14/02/2023 về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS năm 2023 (trong đó: cử 273 giáo viên cấp mầm non, tiểu học, THCS đi đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2023); tổ chức mở các lớp bồi dưỡng cho 515 giáo viên (trong đó: 133 giáo viên dạy Tin học - Công nghệ ở Tiểu học; 150 giáo viên THCS dạy Lịch sử - Địa lý và 232 giáo viên THCS dạy môn Khoa học tự nhiên); Sở GDĐT Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 61/KH- UBND ngày 12/4/2021 thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021, lộ trình 5 năm thực hiện ...

5. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

5.1. Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho GDDT; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực GDDT

a. Kết quả đạt được

Hệ thống trường, lớp tiếp tục được quy hoạch, đầu tư đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Theo thống kê, cả nước hiện có 37.619 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, trong đó cấp mầm non có 12.152 trường, cấp tiểu học có 12.354 trường, cấp THCS có 10.672 trường và cấp THPT có 2.441 trường. Trong đó, số trường liên cấp là 2.311 trường⁸⁰.



Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông năm học 2022 - 2023

[Nguồn: Thống kê sơ bộ Cơ sở dữ liệu ngành]

- Về phòng học: cả nước có gần 606.210 phòng học các cấp mầm non, phổ thông công lập; trong đó, số phòng học kiên cố 517.920 phòng, đạt tỷ lệ kiên cố hóa là 85%, cụ thể như sau:

+ Cấp mầm non: tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 0,97; tỷ lệ kiên cố hóa 79,5%; sỹ số học sinh trung bình/lớp là 25,47 học sinh;

+ Cấp Tiểu học: tỷ lệ trung bình phòng học /lớp 0,96; tỷ lệ kiên cố hóa 82,0%; sỹ số học sinh trung bình/lớp là 31,96 học sinh;

+ Cấp THCS: tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 0,87; tỷ lệ kiên cố hóa 93,7%; sỹ số học sinh trung bình/lớp là 37,53 học sinh;

+ Cấp THPT: Tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 0,93; tỷ lệ kiên cố hóa 96,4%; sỹ số học sinh trung bình/lớp là 40,35 học sinh.

Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa bình quân của cả nước từ 79,5% trở lên (theo từng cấp học). Tuy nhiên, các vùng Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng

⁸⁰ Gồm 1.975 trường tiểu học, THCS; 324 trường THCS, THPT; 12 trường tiểu học, THCS, THPT.

sông Cửu Long có tỷ lệ kiên cố hóa thấp hơn bình quân của cả nước. Bên cạnh đó, vẫn có hiện tượng thiếu phòng học cục bộ tại các khu vực có mật độ dân cư cao, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Về phòng học bộ môn: cơ bản các trường đều có phòng học bộ môn, tuy nhiên cấp tiểu học còn thiếu nhiều. Để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các địa phương đã ưu tiên đầu tư bổ sung thêm phòng học bộ môn Tin học và Ngoại ngữ cho cấp tiểu học. Cụ thể:

+ Cấp tiểu học: có 31.928 phòng học bộ môn, trong đó số phòng tin học là 11.859 phòng, đạt 75,5% số trường có phòng học bộ môn tin học; số phòng học ngoại ngữ là 8.915 phòng, đạt 55,4% số trường có phòng học ngoại ngữ. Tính trung bình cả nước mới chỉ đạt 2,7 phòng/trường.

+ Cấp THCS: có 42.799 phòng học bộ môn, đạt tỷ lệ 5,07 phòng/trường; Cấp THPT có 12.699 phòng học bộ môn, đạt tỷ lệ 6,33 phòng/trường

- Thư viện: cơ bản các trường phổ thông đều có thư viện; tuy nhiên, quy mô, chất lượng không đồng đều, nhiều thư viện mới chỉ là nơi lưu trữ các học liệu mà chưa có phòng đọc cho học sinh.

- Thiết bị dạy học:

+ Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu dạy học còn thấp, trung bình cả nước chỉ đáp ứng 54,3%, cụ thể: cấp học mầm non đáp ứng 47,9%; cấp tiểu học đáp ứng 56,1%; cấp THCS đáp ứng 54,3%; cấp THPT đáp ứng 58,9%.

+ Từ năm học 2022 - 2023, Tin học và Ngoại ngữ là 02 môn bắt buộc từ lớp 3 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, đối với phòng học bộ môn Tin học, số lượng máy tính mới chỉ ở mức cơ bản, đa phần là cấu hình thấp, đã được trang bị từ lâu, hạn chế trong việc cài đặt các phần mềm mới, tiên tiến để đáp ứng nhu cầu dạy học. Đối với phòng học bộ môn Ngoại ngữ, số lượng thiết bị chuyên dùng còn hạn chế, chủ yếu là những thiết bị cầm tay, đơn chiếc phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.

+ Bàn ghế học sinh các cấp: số lượng bàn ghế hai chỗ ngồi đạt khoảng 63% (trong đó, cấp tiểu học là 65%, cấp THCS là 65%, cấp THPT là 60%). Theo quy định⁸¹, bàn ghế được thiết kế tối đa không quá hai chỗ ngồi, tuy nhiên, tại một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn vẫn còn sử dụng bàn ghế loại 4 chỗ ngồi kiểu cũ không phù hợp với mô hình học tập.

b. Tôn tại, hạn chế, nguyên nhân

Mạng lưới trường lớp, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được tăng cường đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục.

⁸¹ Tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 26/6/2011 hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường THCS, trường THPT

Một số địa phương còn chậm triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục hoặc triển khai thực hiện mang tính “cơ học” chưa xem xét đến các yếu tố về đảm bảo chất lượng⁸²; vẫn còn tình trạng thiếu trường, lớp, đặc biệt là tại một số khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Một số địa phương vẫn còn phòng học nhờ, phòng học tạm; thiếu các phòng chức năng, công trình vệ sinh, nước sạch, bếp ăn; tỷ lệ thiết bị dạy học chưa đáp ứng nhu cầu, ...

Việc bố trí cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục chưa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn trường học; số học sinh/lớp, diện tích phòng học so với số học sinh chưa đảm bảo theo quy định. Việc mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu ở các địa phương còn chậm và đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số địa phương, do điều kiện kinh tế khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn chế nên chưa dành các nguồn ngân sách địa phương thỏa đáng để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học.

5.2. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030⁸³

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện⁸⁴ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương, cơ sở giáo dục trong quá trình triển khai thực hiện; tiến hành kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ tại các địa phương, cơ sở giáo dục⁸⁵.

Đến nay, Bộ đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (Định hướng phát triển thành Trường Đại học Y Dược Tây Nguyên); dự án “Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập cho Trường Đại học Tây Bắc” và giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho 02 Dự án nói trên.

⁸² Như: chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy mô trường/lớp, tỷ lệ học sinh/lớp, quy mô dân số, bán kính phục vụ của các cơ sở giáo dục.

⁸³ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến 2025 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg), giao Bộ GDĐT chủ trì 02 nhiệm vụ: (1) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc (UBDT) chỉ đạo tổ chức thực hiện đầu tư đối với Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Tây Bắc; (2) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

⁸⁴ Quyết định số 531/QĐ-BGDĐT ngày 20/02/2023 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Bộ GDĐT; Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT ngày 26/04/2023 Ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg (thay thế Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ GDĐT).

⁸⁵ UBND tỉnh Hòa Bình và Phú Thọ (Kiểm tra toàn bộ CTMTGD DTTS theo phân công tại Quyết định số 35/QĐ-TCTCTMTQGDTTS); kiểm tra việc triển khai Dự án 4.2 tại Trường Đại học Tây Bắc và Trường Đại học Tây Nguyên; kiểm tra việc triển khai Dự án 5.1 tại Sở GDĐT Sơn La và Đắk Lắk

Tại các địa phương: có 39/42 (92,85%) địa phương giao Sở GDĐT chủ trì; 03/42 (7,15%) địa phương giao Ban Dân tộc, Sở Nội Vụ hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì triển khai Dự án 5.1. Các địa phương đã thực hiện phân bổ 1.485.511 triệu đồng⁸⁶; giải ngân năm 2022 đạt 43,11%.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Đây là Chương trình lớn, thời gian triển khai kéo dài gồm nhiều Tiểu dự án, Dự án (đa lĩnh vực, ngành nghề); nội dung công việc, nhiệm vụ nhiều nhưng không có biên chế riêng để triển khai các hoạt động của Ban Chỉ đạo và Văn phòng điều phối tại các Bộ, ngành và địa phương (chỉ là hoạt động kiêm nhiệm) nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Một số nội dung hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương chưa kịp thời⁸⁷ dẫn đến tiến độ việc xây dựng, ban hành kế hoạch nhiệm vụ tổng thể Chương trình của địa phương bị chậm, kéo theo việc triển khai các nội dung nhiệm vụ của ngành Giáo dục được giao chủ trì bị chậm.

Nguồn vốn được giao vào thời điểm giữa năm 2022 (ngày 28/5/2022) bao gồm 02 năm 2021 và 2022 thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2022; trong khi khối lượng công việc lớn, thực hiện trong thời gian ngắn nên công tác giải ngân của các địa phương gặp rất nhiều khó khăn.

Trong quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, một số địa phương đã thực hiện việc điều chỉnh giao cơ quan chủ trì tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện đối với Dự án 5.1⁸⁸, một số tỉnh chưa ban hành kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ để thực hiện Dự án 5.1 cho cả giai đoạn và năm 2022 trên địa bàn. Do vậy, việc ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Dự án 5.1 trên địa bàn⁸⁹ bị chậm muộn.

5.3. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã xây dựng và công bố các chỉ tiêu, tiêu chí lĩnh vực giáo dục của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp⁹⁰, theo đó, các chỉ tiêu được tính toán phù hợp với các vùng kinh tế - xã hội khác nhau, tạo điều kiện cho các

⁸⁶ Vốn đầu tư: NSTW là 1.156.460 triệu đồng, NSDP là: 70.086 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: NSTW là 240.656 triệu đồng, NSDP là 16.823 triệu đồng; nguồn vốn huy động khác là: 1.486 triệu đồng.

⁸⁷ Hướng dẫn tiêu chí xác định thôn có đồng bào dân tộc có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng đầu tư của Tiểu dự án 1- Dự án 9 (UBDT chủ trì); hướng dẫn hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại xã để phục vụ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự thuộc Tiểu dự án 2- Dự án 10 (Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì).

⁸⁸ Tỉnh Đắk Lắk, Bắc Kạn.

⁸⁹ Đến ngày 11/5/2023, UBND tỉnh Bắc Kạn mới ban hành văn bản số 2842/UBND-VXNV hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung Tiểu dự án 1-Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

⁹⁰ Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

địa phương phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo các mức độ. Các tiêu chí lĩnh vực GDĐT tại các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (xã, huyện tỉnh) được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành⁹¹.

Để hướng dẫn các địa phương triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu và hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí về GDĐT của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, Bộ GDĐT đã ban hành văn bản số 5115/BGDĐT-CSVC ngày 07/10/2022 về việc triển khai nội dung thành phần GDĐT thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 5647/BGDĐT-QLCL ngày 27/10/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Đồng thời, Bộ GDĐT đã tổ chức hội thảo tập huấn cho 63 Sở GDĐT để hướng dẫn thực hiện các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp: xã, huyện, tỉnh⁹², trong đó tập trung hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 lĩnh vực giáo dục; hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn, cung cấp các kiến thức cơ bản, trao đổi các kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện để thực hiện tốt Bộ tiêu chí; thảo luận các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nội dung về GDĐT của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025, Bộ GDĐT đã trả lời, hướng dẫn các địa phương về những khó khăn vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình⁹³; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đề nghị sửa đổi một số tiêu chí nông thôn mới các cấp⁹⁴.

Bộ GDĐT đã hoàn thành việc ban hành các văn bản hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các chỉ tiêu các tiêu chí lĩnh vực GDĐT của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; hỗ trợ kỹ thuật, giám sát, đánh giá, chỉ đạo, thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; kiểm tra

⁹¹ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (các tiêu chí về phổ cập giáo dục); Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Các tiêu chí về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học); Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (các tiêu chí về công nhận trường đạt chuẩn quốc gia); Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc đánh giá quy định về đánh giá xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã (các tiêu chí về đánh giá Trung tâm học tập cộng đồng);- Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và các văn bản hướng dẫn (các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm giáo dục thường xuyên – giáo dục nghề nghiệp).

⁹² Tổ chức hội thảo tập huấn tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội vào tháng 11/2022

⁹³ Công văn số 942, 943/BGDĐT-CSVC ngày 09/3/2023 của Bộ GDĐT, Công văn số 2573/BGDĐT-CSVC ngày 29/5/2023 của Bộ GDĐT

⁹⁴ Công văn số 3086/BGDĐT-CSVC ngày 26/6/2023 của Bộ GDĐT

công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại một số địa phương.

Về kết quả thực hiện các tiêu chí GDĐT tại địa phương: đến nay có 6.740 xã (tỷ lệ 82,1%) đạt tiêu chí Trường học (chỉ tiêu cơ sở vật chất trường học); 7.763 xã (tỷ lệ 94,5%) đạt tiêu chí GDĐT (chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiểu học, THCS, xóa mù chữ).

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Đặc điểm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình lồng ghép, đa mục tiêu và phân cấp rất mạnh về cho cấp cơ sở, phát huy tính tự chủ và tự quyết của địa phương. Đầu tư cho giáo dục luôn được coi là một ưu tiên trong phát triển của các địa phương, thường chỉ đứng sau mục tiêu về cơ sở hạ tầng kinh tế (đường giao thông, điện, nước...). Tuy nhiên, do ngân sách hạn hẹp nên thực tế phần đầu tư cho giáo dục chỉ chủ yếu nhằm giúp các trường “đạt chuẩn” để đủ tiêu chuẩn được công nhận là xã nông thôn mới, chưa chú trọng vào mục tiêu số xã đạt tiêu chí về trường học, GDĐT.

Ngành Giáo dục một số địa phương chưa thực sự tham gia vào công tác quản lý, điều hành triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương, đặc biệt trong phân bổ nguồn lực tài chính, chỉ thực hiện việc đề xuất.

5.4. Phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú⁹⁵ nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc bất cập về quy chế tổ chức hoạt động của các trường phổ thông dân tộc nội trú so với Thông tư số 01 được ban hành ngày 15/01/2016. Hiện nay, toàn quốc có 318 trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc 48 tỉnh/thành với quy mô 101.918 học sinh. Bên cạnh đó, trường Hữu nghị 80, trường Hữu nghị T78 (trực thuộc Bộ GDĐT) và Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc (trực thuộc Ủy ban Dân tộc) có nhiệm vụ dạy học sinh dân tộc nội trú với quy mô hơn 3000 học sinh.

Chất lượng giáo dục của các trường phổ thông dân tộc nội trú dần được nâng lên qua từng năm học. Tính trung bình, học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú có tỷ lệ học lực giỏi, khá là trên 60%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS của các trường phổ thông dân tộc nội trú hàng năm trên 97%. Trong số học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tốt nghiệp THPT hàng năm, có trên 50% học sinh thi đỗ thẳng vào đại học, cao đẳng, 13% vào cử tuyển hoặc vào trường dự bị

⁹⁵ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

đại học, khoảng 30% vào trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề.

Cả nước hiện có 1.139 trường phổ thông dân tộc bán trú ở 29 tỉnh/thành với quy mô gần 250 nghìn học sinh bán trú. Bên cạnh đó, còn có 2.176 trường phổ thông có học sinh bán trú ở 28 tỉnh/thành với quy mô khoảng 220 nghìn học sinh bán trú. Bình quân hằng năm, có khoảng nửa triệu học sinh trường phổ thông các cấp được hưởng chính sách học sinh bán trú theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP. Mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú đã và đang làm thay đổi tích cực giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Sự phát triển nhanh về quy mô, số lượng và nâng cao chất lượng của các trường phổ thông dân tộc bán trú đã khẳng định được vai trò to lớn của hệ thống trường này trong việc huy động tối đa học sinh tiểu học và THCS trong độ tuổi tới trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần, tỷ lệ học sinh lưu ban. Từ đó, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần quan trọng vào việc củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, từng bước nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Hiện nay, cả nước có 04 trường dự bị đại học (Trường dự bị đại học dân tộc Trung ương Việt Trì, Trường dự bị đại học dân tộc Sầm Sơn, Trường dự bị đại học dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường dự bị đại học thành phố Hồ Chí Minh) và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc đang thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh dự bị đại học với quy mô khoảng 3.000 học sinh dự bị/năm. Các chế độ, chính sách của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học được thực hiện theo Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT.

Song song với nhiệm vụ phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học, các địa phương đã chú trọng củng cố, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo đủ trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS ở các xã, liên xã, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của trẻ em, học sinh. Một số địa phương đã ban hành thêm nhiều chính sách hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên và học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trẻ em và học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn⁹⁶.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Hệ thống cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm cả trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và trường dự bị đại học đã được nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu dạy học. Số lượng, chất lượng giáo viên còn thấp, cơ cấu giáo viên chưa phù hợp. Chính sách hỗ trợ cho người dạy, người học còn thấp, chưa phù hợp với thực tiễn.

⁹⁶ Tiêu biểu như Bình Phước, Bắc Giang, Lào Cai, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Yên Bái, Điện Biên, ...

Chất lượng học tập của học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn còn thấp, tỷ lệ học sinh thuộc hộ nghèo và cận nghèo cao, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nên việc duy trì sự chuyên cần và sĩ số học sinh trong các cơ sở giáo dục gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú thấp, kỹ năng sống (kỹ năng giao tiếp, tự bảo vệ, tự quản) và năng lực tự học của học sinh bán trú còn hạn chế.

6. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

6.1. Giáo dục mầm non

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, cả nước có 15.334 cơ sở giáo dục mầm non⁹⁷ (giảm 67 trường so với năm học trước); với 19.398 điểm trường lẻ (giảm được 1.249 điểm trường)⁹⁸. Sĩ số trẻ/nhóm lớp đều tăng so với năm học trước (nhà trẻ bình quân 20,2 trẻ/nhóm, tăng 1,6 trẻ; mẫu giáo 26,9 trẻ/lớp, tăng 0,8 trẻ)⁹⁹. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 56,9% (tăng 5,5% so với năm học 2021 - 2022).

Số lượng và tỷ lệ huy động trẻ em đến trường tăng mạnh so với năm học trước. Năm học 2022 - 2023, tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 70,4% (tăng 4,6% so với năm học 2021 - 2022), trong đó, tỷ lệ huy động nhà trẻ đạt 32,1% (tăng 3,8% so với năm học 2021 - 2022); tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 93,1% (tăng 3,7% so với năm học 2021 - 2022); tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường duy trì 99,7%. Tuy nhiên, vẫn còn một số tỉnh có tỷ lệ huy động rất thấp so với mức chung cả nước¹⁰⁰.

Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; ban hành Chương trình phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030¹⁰¹. Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố ban hành các Nghị quyết theo yêu cầu tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105). Đến nay, toàn quốc có 56 tỉnh/thành phố ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân quy định chi tiết chính sách đối với giáo dục mầm non của tỉnh/thành phố¹⁰². Đặc biệt một số tỉnh, thành phố đã ban hành

⁹⁷ Trong đó, có 3.224 trường mầm non ngoài công lập (tỉ lệ 21.1%), giảm 29 trường so với năm học trước

⁹⁸ Các tỉnh/TP có số điểm trường lẻ giảm nhiều: Kiên Giang: -231, Gia Lai: -136, Thanh Hóa, Quảng Trị -86, Bình Định: -62, Hưng Yên: -61, Khánh Hòa: -58, Hà Nội, Sóc Trăng: -56, Bến Tre: -55, ...).

⁹⁹ Một số địa phương có sĩ số bình quân trẻ nhà trẻ/nhóm còn rất cao: Lai Châu: 30.1 trẻ, Đồng Tháp: 29.2 trẻ, Lào Cai: 28,5 trẻ; Sĩ số bình quân trẻ mẫu giáo/lớp cao: Khánh Hòa: 38,4 trẻ, Gia Lai: 31,4 trẻ, Tiền Giang: 31,3 trẻ, Bến Tre: 30,9 trẻ, Lâm Đồng: 30,6 trẻ, Thái Bình: 30,3 trẻ.

¹⁰⁰ Huy động trẻ nhà trẻ: Cà Mau 6,0%; Trà Vinh: 7,1%; An Giang: 7,9%; Gia Lai: 9,1%; Huy động trẻ mẫu giáo: Cà Mau: 63,6%; Phú Yên: 65,2%; Ninh Thuận: 68,2%;...

¹⁰¹ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ, Quyết định số 24//2022/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030.

¹⁰² có 49 tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết HĐND về chính sách đối với trẻ em con công nhân và GVMN ở địa

đầy đủ văn bản với các nhóm chính sách theo quy định tại Nghị định số 105 và có mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc mở rộng đối tượng được hưởng chính sách¹⁰³, các địa phương đã thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non, trẻ em là con công nhân, giáo viên dạy lớp có trẻ em là con công nhân khu công nghiệp kịp thời theo quy định.

Bộ GDĐT tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025” và Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025; tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Tổ chức xây dựng dự thảo và tổ chức thử nghiệm một số nội dung dự thảo Chương trình Giáo dục mầm non mới tại 06 tỉnh, thành phố¹⁰⁴. Chỉ đạo các địa phương đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non, các địa phương thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương¹⁰⁵; đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, tập trung phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm.

Căn cứ các chỉ đạo của Bộ GDĐT, các địa phương đã tích cực triển khai hiệu quả Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 - 2025”, trong đó tập trung xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện và đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Một số tỉnh, thành phố đã đẩy mạnh chính sách khuyến khích xã hội hoá giáo dục để thúc đẩy phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập như: hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt bằng trong ranh giới thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt, hỗ trợ tín dụng, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng để xây dựng trường mầm non, miễn thuế thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án, tạo môi trường thông thoáng để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non¹⁰⁶. Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non ở khu công nghiệp, khu chế xuất đáp ứng nhu cầu của công nhân, người lao động được quan tâm, một số địa phương đã đầu tư xây dựng các trường mầm non công lập trên địa bàn khu công nghiệp; một số doanh nghiệp đã xây dựng trường mầm non hoạt động theo hình thức phi lợi nhuận, gắn với khu nhà ở tại các khu công nghiệp,

bản có KCN (tăng 9 tỉnh so với thời điểm sơ kết Nghị định); 34 tỉnh/TP ban hành Nghị quyết HĐND quy định danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ GDMN ngoài học phí phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

¹⁰³ Lào Cai, Hòa Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Nam, Kon Tum, Bình Dương, Đồng Nai,...

¹⁰⁴ Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Điện Biên, Thái Nguyên, Lào Cai, Hải Dương, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Nông, Kon Tum, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang.

¹⁰⁵ Công văn số 423 /BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN

¹⁰⁶ Bắc Giang, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, ...

khu chế xuất phục vụ con công nhân lao động...

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác quy hoạch, đầu tư tại nhiều địa phương chưa theo kịp nhu cầu phát triển và nhu cầu đưa trẻ đến trường của người dân; tỷ lệ huy động trẻ ở một số địa phương còn thấp¹⁰⁷; còn có sự chênh lệch về cơ hội tiếp cận giáo dục và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non giữa các địa phương và giữa các đối tượng.

Việc đảm bảo các quy chuẩn về đội ngũ, cơ sở vật chất, trường lớp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ phòng học kiên cố cấp mầm non bình quân cả nước đạt 82,2%; một số tỉnh/thành phố có tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100%, tuy nhiên còn các địa phương¹⁰⁸ có tỷ lệ kiên cố hóa dưới 40%; tỷ lệ giáo viên/lớp toàn quốc đạt 1,86; một số tỉnh¹⁰⁹ đã có tỷ lệ đạt trên 2,0 nhưng còn các địa phương¹¹⁰ có tỷ lệ chưa đạt 1,5 giáo viên/lớp.

6.2. Giáo dục phổ thông

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, cả nước có 25.467 cơ sở giáo dục phổ thông¹¹¹ (*giảm 119 cơ sở giáo dục phổ thông so với năm học 2021 - 2022*), với 1.976.744 học sinh (*tăng 499.960 học sinh so với năm học 2021 - 2022*). Tỷ lệ lớp/trường các cấp học lần lượt là 19,59 đối với cấp Tiểu học (*tăng 0,71 so với năm học 2021 - 2022*); 14,19 đối với cấp THCS (*tăng 0,15 so với năm học 2021 - 2022*) và 24,18 đối với cấp THPT (*tăng 0,43 so với năm học 2021 - 2022*). Tỷ lệ học sinh/ lớp các cấp học lần lượt là 32,1 đối với cấp Tiểu học (*tăng 0,17 so với năm học 2021 - 2022*); 37,71 đối với cấp THCS (*tăng 0,42 so với năm học 2021 - 2022*) và 40,27 đối với cấp THPT (*tăng 0,37 so với năm học 2021 - 2022*). Các địa phương đã làm tốt công tác điều tra phổ cập, dự báo được tình hình tăng, giảm học sinh tại các địa bàn, vì thế mặc dù số học sinh tăng nhưng các địa phương đã đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất và giáo viên để thực hiện tổ chức dạy học đúng quy định của chương trình, đảm bảo số lượng học sinh/lớp theo đúng quy định. Tuy nhiên, một số địa phương, khu đô thị và các thành phố lớn do áp lực tăng dân số cơ học quá nhanh dẫn đến sĩ số học sinh/lớp vượt tỉ lệ quy định như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai...

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và THCS tiếp tục được các địa phương quan tâm nhằm củng cố, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục và từng bước phấn

¹⁰⁷Huy động trẻ nhà trẻ: Cà Mau 6.0, Trà Vinh: 7.1, An Giang: 7.9, Gia Lai: 9.1; huy động trẻ mẫu giáo: Cà Mau: 63.6, Phú Yên: 65.2, Ninh Thuận: 68.2.

¹⁰⁸Cà Mau, Hậu Giang, Gia Lai.

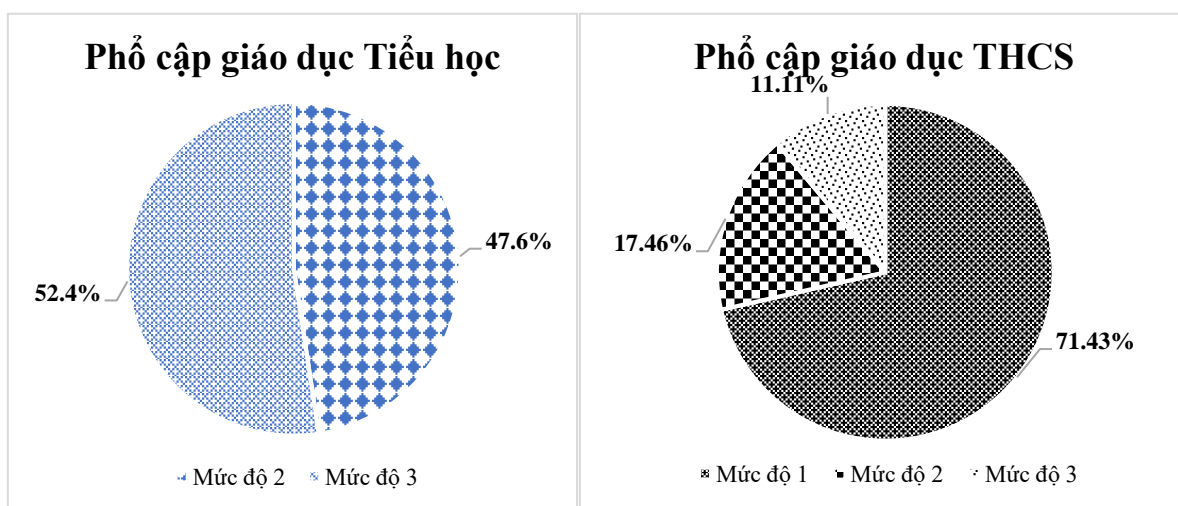
¹⁰⁹ Lâm Đồng 2.32, Hà Nội 2.23, Hòa Bình, Phú Thọ 2.15, Thừa Thiên Huế 2.12, Lạng Sơn 2.06, Ninh Bình 2.05, Thái Nguyên 2.03.

¹¹⁰ Kiên Giang, Hà Giang, Hưng Yên ...

¹¹¹ Trong đó, có 12.354 trường Tiểu học (*giảm 129 trường Tiểu học so với năm học 2021 - 2022*); 10.762 trường THCS (*giảm 09 trường THCS so với năm học 2021 - 2022*); 2.441 trường THPT (*tăng 19 trường THPT so với năm học 2021 - 2022*).

đầu đạt chuẩn mức độ cao hơn để nâng cao chất lượng giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi để huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi vào học tiểu học tại địa bàn, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em khuyết tật được đi học và hoàn thành chương trình tiểu học. Năm học 2022 - 2023, tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,7%. Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học vào THCS đạt 94,3%¹¹². Tỷ lệ học sinh hoàn thành Chương trình giáo dục THCS đạt 90,7%.

Cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố (đạt tỷ lệ 100%) duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó có 30/63 tỉnh, thành phố¹¹³ (đạt tỷ lệ 47,6%) được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (tăng 04 đơn vị cấp tỉnh, tương ứng 6% so với cùng thời điểm năm trước); 11 tỉnh/ thành phố (đạt tỷ lệ 17,5%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2¹¹⁴; 07 tỉnh/thành phố (đạt tỷ lệ 11,1%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3¹¹⁵.



Tỷ lệ tỉnh/thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS các mức độ năm học 2022 - 2023

[Nguồn: Thống kê sơ bộ Cơ sở dữ liệu ngành]

Triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với lớp 3, lớp 7 và lớp 10 trong năm học 2022 - 2023, Bộ GDĐT đã phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 để thực hiện theo đúng lộ trình¹¹⁶ và tài liệu giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 6, 7, 10¹¹⁷; sách giáo khoa và tài liệu hướng

¹¹² Trong đó, một số địa phương có tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học vào THCS cao như: Thành phố Hồ Chí Minh (100%), Tiền Giang (100%), Thái Bình (100%), Sơn La (100%), Hòa Bình (100%), Hà Nam (100%), Đà Nẵng (100%), Bắc Giang (100%), Bình Dương (100%).

¹¹³ Gồm các tỉnh: Thái Bình, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Ninh Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nội, Hà Tĩnh, Phú Thọ, Hoà Bình, Thanh Hoá, Hậu Giang, Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Phước, Cao Bằng, Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh, Kiên Giang, Yên Bái, Nghệ An, Lạng Sơn, Quảng Trị, Quảng Nam, Bến Tre.

¹¹⁴ Điện Biên, Sơn La, Phú Thọ, Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Dương; Hưng Yên, Yên Bái, Bến Tre, Thanh Hóa.

¹¹⁵ Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình.

¹¹⁶ Quyết định số 438/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022.

¹¹⁷ Lớp 2 có 51/60 tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đã được phê duyệt; lớp 3 có 22 tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt; lớp 6 có 63/63 tỉnh thành phố gửi hồ sơ đã được phê duyệt; lớp 7 có 20 tỉnh, thành phố, lớp 8 và lớp 9 có

dẫn dạy học tiếng dân tộc thiểu số lớp 1, lớp 2¹¹⁸; đồng thời, hướng dẫn các địa phương tổ chức lựa chọn sách giáo khoa cho năm học 2022 - 2023¹¹⁹; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018¹²⁰;... Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018¹²¹ nhằm điều chỉnh một số nội dung trong Chương trình tổng thể và Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử bảo đảm yêu cầu “thiết kế môn Lịch sử trong Chương trình giáo dục cấp THPT bao gồm cả phần bắt buộc và phần lựa chọn một cách hợp lý, khoa học, đảm bảo hiệu quả cao nhất trong việc giáo dục truyền thống và phát triển nhân cách cho học sinh”; việc sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đảm bảo giữ ổn định về quan điểm, mục tiêu, cấu trúc, lộ trình triển khai thực hiện của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Triển khai Kế hoạch số 59/KH-GS ngày 11/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”, Bộ GDĐT đã hoàn thiện Báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội¹²²; Báo cáo giải trình một số vấn đề cần lưu ý (gồm: ban hành văn bản pháp luật và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; xây dựng, triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp giáo dục; đổi mới đánh giá chất lượng giáo dục; sách giáo khoa giáo dục phổ thông; xây dựng tài liệu giáo dục địa phương; chuẩn bị các điều kiện đảm bảo đội ngũ nhà giáo; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; kinh phí triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và xã hội hóa giáo dục) qua giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14¹²³; tham gia đoàn giám sát thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông tại một số địa phương.

Căn cứ các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học đã được Bộ GDĐT ban hành¹²⁴, các Sở GDĐT đã chủ động chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch

11 tỉnh, thành phố, lớp 10 có 11 tỉnh, thành phố, lớp 11 có 01 tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt. Hiện nay Bộ GDĐT đang tiến hành rà soát, tư vấn cho các địa phương.

¹¹⁸ Quyết định 4382/QĐ-BGDĐT ngày 19/12/2022; Quyết định 4383/QĐ-BGDĐT ngày 19/12/2022; Quyết định 4334/QĐ-BGDĐT ngày 16/12/2022; Quyết định 4335/QĐ-BGDĐT ngày 16/12/2022.

¹¹⁹ Công văn số 686/BGDĐT-GDTrH ngày 03/3/2022 về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa chuẩn bị triển khai năm học 2022 - 2023.

¹²⁰ Bộ Tài chính ban hành Công văn số 1671/BTC-HCSN ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

¹²¹ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

¹²² Báo cáo số 36/BC-CP ngày 14/02/2023 của Chính phủ.

¹²³ Báo cáo số 758/BC-BGDĐT ngày 15/5/2023 về việc giải trình một số vấn đề cần lưu ý qua giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT.

¹²⁴ Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-

giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, vừa đảm bảo tính khoa học, sư phạm, vừa đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu ra của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo thống nhất giữa kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2006, tích hợp lồng ghép các nội dung dạy học với các hoạt động trải nghiệm khác để tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, đảm bảo mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Một số địa phương¹²⁵ đã chú trọng việc xây dựng và thực hiện các chủ đề/bài học STEM đối với một số môn học phù hợp nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Năm học 2022 - 2023 là năm học đầu tiên triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 3, các địa phương đã chú trọng tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, thực hiện phương án bố trí giáo viên linh hoạt, điều động giáo viên dạy liên trường trong cùng cấp học, biệt phái giáo viên cấp THCS theo thẩm quyền quản lý tham gia giảng dạy tại các trường Tiểu học¹²⁶. Xây dựng kế hoạch thực hiện môn học linh hoạt, phù hợp, sắp xếp thời khóa biểu khoa học để thực hiện phương án bố trí giáo viên linh hoạt và phối hợp với các tổ chức, cá nhân để tổ chức dạy học trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến¹²⁷. Lựa chọn sách giáo khoa và tài liệu tham khảo trong dạy học tiếng Anh phù hợp với điều kiện của địa phương, tận dụng nguồn tài liệu tham khảo phong phú và đa dạng theo đặc thù môn học để hỗ trợ quá trình dạy học. Huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trang bị thiết bị dạy học cho các phòng học Ngoại ngữ, Tin học; sửa chữa, thay thế, nâng cấp các phòng học Ngoại ngữ, Tin học đã quá cũ nát, lạc hậu. Năm học 2022 - 2023, tổng số lớp 3 trong cả nước triển khai dạy học môn Tiếng Anh và Tin học lần lượt là 99,97% đối với môn Tiếng Anh (0,03% còn lại là các lớp

GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học; Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học; Công văn số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022 - 2023;..

¹²⁵ An Giang, Phú Thọ,...

¹²⁶ Như: Sở GDĐT Cao Bằng đã biệt phái 38 giáo viên từ 04 thành phố và huyện khác nhau vào huyện Bảo Lạc và Bảo Lâm để tổ chức dạy học cho 100% học sinh lớp 3 ở 02 huyện này; Sở GDĐT Yên Bái đã biệt phái 24 giáo viên từ thành phố Yên Bái và các huyện Yên Bình, Trấn Yên và Nghĩa Lộ đến huyện Trạm Tấu và Mù Cang Chải trong 1 năm để dạy học tiếng Anh cho học sinh lớp 3; Sở GDĐT Cà Mau thực hiện việc luân chuyển giáo viên liên trường trong đơn vị xã và điều giáo viên từ bậc THCS xuống dạy học sinh lớp 3 theo chương trình GDPT 2018...

¹²⁷ sở GDĐT Yên Bái phối hợp với sở GDĐT Nam Định để tổ chức cho nhiều trường của Yên Bái học tiếng Anh, theo đó 02 tiết sẽ do giáo viên Yên Bái dạy và 02 tiết sẽ dạy trực tuyến do giáo viên của Nam Định thực hiện; học sinh tại huyện Mù Cang Chải được tài trợ từ tổ chức xã hội để dạy học miễn phí tiếng Anh trực tuyến từ Hà Nội. Huyện Mèo Vạc ở Hà Giang kết nối với các lớp học ở Hà Nội và tổ chức học tiếng Anh qua các video dạy học của Bộ GDĐT kết hợp với VTV7. Huyện đảo ở Kiên Giang thực hiện hình thức dạy học trực tuyến cho những học sinh ngoài huyện đảo...

học sinh khuyết tật không tổ chức học tiếng Anh) và 100% đối với môn Tin học. Tỷ lệ lớp 3 được học đủ 4 tiết/tuần theo quy định đạt 99,65%. Kết quả trên là sự cố gắng, nỗ lực của Bộ GDĐT, UBND các tỉnh/thành phố, các Sở GDĐT, các Phòng GDĐT và quyết tâm thực hiện của các nhà trường trong năm đầu tiên thực hiện chương trình tiếng Anh bắt buộc từ năm học 2022 - 2023. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở giáo dục đã tích cực thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học Tiếng Anh để tăng cường thời lượng học Tiếng Anh; dạy học Tiếng Anh qua các chủ đề Toán và Khoa học; dạy học một số môn học bằng tiếng Anh; tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học Tiếng Anh qua truyền hình, các phương tiện truyền thông phù hợp khác và đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu phù hợp với học sinh tiểu học.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn cho học sinh lớp 10 được các trường thực hiện đúng theo quy định. Tất cả các trường THPT căn cứ vào thực tế giáo viên hiện có, phòng học của nhà trường, thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm và nguyện vọng của học sinh tổ chức xây dựng kế hoạch bố trí học sinh lớp 10 theo các nhóm môn học và cụm chuyên đề học tập lựa chọn¹²⁸; đồng thời công khai các phương án lựa chọn¹²⁹, tổ chức tư vấn cho phụ huynh, học sinh lựa chọn môn học và các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phù hợp với định hướng nghề nghiệp.

Triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giai đoạn 2018 - 2025”¹³⁰, hầu hết các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo hướng mở; thực hiện đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; thực hiện giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường; phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung cấp và cơ sở dạy nghề tại địa phương cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động để có cơ sở định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Năm học 2022 - 2023, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT chiếm khoảng 74,4%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học giáo dục thường xuyên chiếm khoảng 7,9%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chiếm khoảng 7%.

Tiếp tục triển khai Chương trình “Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 -

¹²⁸ TP HCM: Các phương án và tổ chức triển khai chọn môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập lựa chọn đáp ứng nhu cầu của học sinh, bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

¹²⁹ Gia Lai: 78 tổ hợp; Thái Nguyên: 70 tổ hợp; Bình Dương: 61 tổ hợp; Long An: 44 tổ hợp; Nghệ An: 40 tổ hợp; ...

¹³⁰ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giai đoạn 2018 - 2025”.

2030”¹³¹ và Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025”, các địa phương đã triển khai linh hoạt các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số¹³²; đồng thời, chú trọng việc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 như: tổ chức lớp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ (khoảng 1 đến 2 tháng) trước khi vào lớp 1; biên soạn tài liệu chuẩn bị và tăng cường tiếng Việt phù hợp với địa phương; cấp phát miễn phí sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và đồ dùng học tập cho học sinh học tiếng dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, các địa phương tiếp tục tổ chức thực hiện theo chương trình và các bộ sách giáo khoa tiếng dân tộc hiện hành (08 chương trình Chăm, Khmer, Jrai, Bahnar, Êđê, Hmông, M’Nông, Thái; 06 bộ sách giáo khoa các tiếng Chăm, Khmer, Jrai, Bahnar, Hmông, Êđê).

Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận với giáo dục và tham gia học tập ở cấp tiểu học và THCS tăng, chủ yếu học hòa nhập tại các trường tiểu học và THCS. Bộ GDĐT đã chỉ đạo xây dựng các tài liệu về giáo dục học sinh khuyết tật, như: Hệ thống ngôn ngữ ký hiệu và Hệ thống chữ nổi Braille; tài liệu hướng dẫn giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật cấp mầm non; tài liệu hướng dẫn đánh giá học sinh khuyết tật cấp tiểu học; tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ công cụ ASQ-3 trong các cơ sở giáo dục mầm non; tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, cao học và tiến sĩ giáo dục đặc biệt; chương trình đào tạo sinh viên là người điếc và đào tạo trình độ cao đẳng cho người điếc; phát triển chương trình giáo dục học sinh khuyết tật trên cơ sở Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các địa phương cũng đã quan tâm mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật theo Luật Người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật; khảo sát số liệu trẻ em khuyết tật trong độ tuổi đi học nhằm huy động tối đa trẻ khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập. Một số địa phương¹³³ đã tích cực thành lập hoặc đang xây dựng đề án xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và bước đầu đưa vào hoạt động có hiệu quả. Ngoài ra, nhiều địa phương¹³⁴ đã chú trọng tổ chức các lớp học linh hoạt cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ theo kế hoạch dạy học và thời khoá biểu được điều chỉnh phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của địa phương.

¹³¹ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 Phê duyệt Chương trình "Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030"

¹³² Như: xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt cho học sinh qua các hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ; sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học nhằm tăng cường, hỗ trợ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh; tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học dưới nhiều hình thức: tổ chức ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, giao lưu “Tiếng Việt của chúng em”, tổ chức các tiết học tại thư viện;... cho học sinh dân tộc thiểu số.

¹³³ Sở GDĐT Vĩnh Phúc đã tham mưu UBND tỉnh thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Vĩnh Phúc, Sở GDĐT Lâm Đồng đã tham mưu UBND tỉnh chuyển đổi Trường Chuyên biệt thành Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

¹³⁴ TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng, Đắk Lắk, Vĩnh Long,...

Kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia tiếp tục được đổi mới và đạt được kết quả tốt¹³⁵. Công tác tuyển chọn, tập huấn các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế tiếp tục đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Kết quả tại các Kỳ thi Olympic khu vực, quốc tế năm 2023 (tính đến nay), các đội tuyển đều đạt thành tích cao. Cụ thể: 11 Huy chương Vàng, 14 Huy chương Bạc, 12 Huy chương đồng và 05 Bằng khen¹³⁶. Thành tích xuất sắc của các đội tuyển đã khẳng định nỗ lực vượt bậc trong học tập, rèn luyện của học sinh, giáo viên và các nhà trường; đồng thời, khẳng định chất lượng giáo dục phổ thông và hướng đi đúng trong công tác dạy học, phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi của ngành Giáo dục.

b. Tôn tại, hạn chế, nguyên nhân

Hầu hết các cơ sở giáo dục không có tổ hợp môn học và chuyên đề học tập lựa chọn có môn Âm nhạc, Mĩ thuật¹³⁷ do chưa có giáo viên. Việc chuyển đổi môn học hoặc chuyển trường đối với học sinh học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 khó khăn hơn so với học sinh học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2006.

Việc tổ chức các hoạt động trong giờ học đôi khi vẫn còn có biểu hiện hình thức, thiếu hiệu quả, chưa đúng bản chất. Nguyên nhân là do nhận thức và năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế; dẫn tới việc triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT còn chưa đúng với tinh thần đổi mới, gây khó khăn, kém hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện.

Vẫn còn có một số cơ sở giáo dục để xảy ra tình trạng lồng ghép việc bán sách giáo khoa đi kèm với sách tham khảo, gây bức xúc cho phụ huynh học sinh và xã hội. Nhiều xuất bản phẩm đang sử dụng không phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhưng cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện mua sắm thay thế, bổ sung; cơ sở vật chất, thư viện trường học, đặc biệt là hệ thống máy tính phục vụ thư viện ở nhiều địa phương còn bất cập.

Vẫn còn nhiều địa phương¹³⁸ gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương về Bộ GDĐT chậm so với quy định. Chất lượng tài liệu còn hạn chế như các chủ đề, bài học còn bị trùng lặp ở các lớp, chưa có sự tương đồng với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Nhiều địa phương chưa tổ chức in, phát hành tài liệu được vì vướng các quy định về thẩm định giá, đấu thầu in ấn và phát hành.

Việc phê duyệt và xuất bản sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn dạy học tiếng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, vướng mắc, chưa được tháo gỡ, dẫn đến các địa phương không kịp triển khai mua, cấp phát sách giáo khoa cho giáo viên và

¹³⁵ Có 4.589 thí sinh tham dự Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. Kết quả: có 2.238 thí sinh đạt giải.

¹³⁶ Trong đó, đoàn học sinh Việt Nam tham dự kỳ thi Olympic hóa học quốc tế Abu Reikhan Beruniy lần thứ nhất xếp thứ nhất toàn đoàn; đội tuyển quốc gia Việt Nam dự thi Olympic Hóa học Quốc tế (IChO) năm 2023 xếp thứ 3 toàn đoàn và có 02 học sinh nằm trong top 10 điểm cao nhất.

¹³⁷ Tổ hợp có môn Âm nhạc: Bình Dương (1 trường - 2 lớp - 74 học sinh), Tây Ninh (1 trường - 1 lớp - 37 học sinh); Long An (1 trường - 2 lớp - 69 học sinh); môn Mĩ thuật: Bình Dương (1 trường - 2 lớp - 53 học sinh).

¹³⁸ Cụ thể: vào thời điểm gần cuối năm học 2022-2023, một số địa phương vẫn chưa gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt tài liệu lớp 7, lớp 10 về Bộ GDĐT, như: tỉnh Cà Mau, Thái Bình và Hà Nội.

học sinh để triển khai dạy học trong năm học 2022 - 2023.

6.3. Giáo dục thường xuyên

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên tại các địa phương về cơ bản được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân¹³⁹. Tính đến nay, cả nước có 18.557 trung tâm¹⁴⁰ (tăng 1.036 trung tâm so với năm học 2021 - 2022). Trong đó, có 620 trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên¹⁴¹ (giảm 12 trung tâm so với năm học 2021 - 2022); 10.491 trung tâm học tập cộng đồng¹⁴² (giảm 199 trung tâm so với năm học 2021 - 2022¹⁴³, đạt tỷ lệ 98,98% xã/phường/thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng¹⁴⁴); 5.753 trung tâm ngoại ngữ, tin học¹⁴⁵ (tăng 139 trung tâm so với năm học 2021 - 2022); 1.693 trung tâm thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên¹⁴⁶ (bao gồm cả trung tâm giáo dục kỹ năng sống).

Tổng số học viên theo học các chương trình giáo dục thường xuyên là 20.730.119 học viên (tăng 2.784.403 học viên so với năm học 2021 - 2022), trong đó tổng số học viên Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT là 389.661 học viên (tăng 45.258 học viên so với năm học 2021 - 2022).

Tính đến nay, cả nước có 6.514 học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS¹⁴⁷ (giảm 2.171 học viên, so với năm học 2021 - 2022), trong đó người lao động từ 18 tuổi trở lên là 878 học viên (chiếm 13,48% tổng số học viên). Số người học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT là 383.147 học viên (tăng hơn 47.429 học viên so với năm học 2021 - 2022); trong đó số người học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT kết hợp với Trung cấp nghề là 296.930 học viên (chiếm 77,15% tổng số học viên); người lao động từ 18 tuổi trở lên là 26.218 học viên (chiếm 6,81% tổng số học viên).

¹³⁹ Một số địa phương có đầu tư phát triển mạng lưới trung tâm GDNN-GDTX như Bắc Giang, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Dương.

¹⁴⁰ Trong đó, có 620 trung tâm GDTX và GDNN-GDTX (trong đó có 91 trung tâm GDTX và 529 trung tâm GDNN-GDTX, giảm 12 trung tâm so với năm học 2021 - 2022); 10.491 trung tâm học tập cộng đồng (giảm 199 trung tâm so với năm học 2021-2022)

¹⁴¹ Trong đó có 91 trung tâm GDTX và 529 trung tâm GDNN-GDTX

¹⁴² Trong đó, có 9.142 TTHTCĐ và 1.340 HTCĐ hoạt động kết hợp với trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã (chiếm 12,77% tổng số trung tâm).

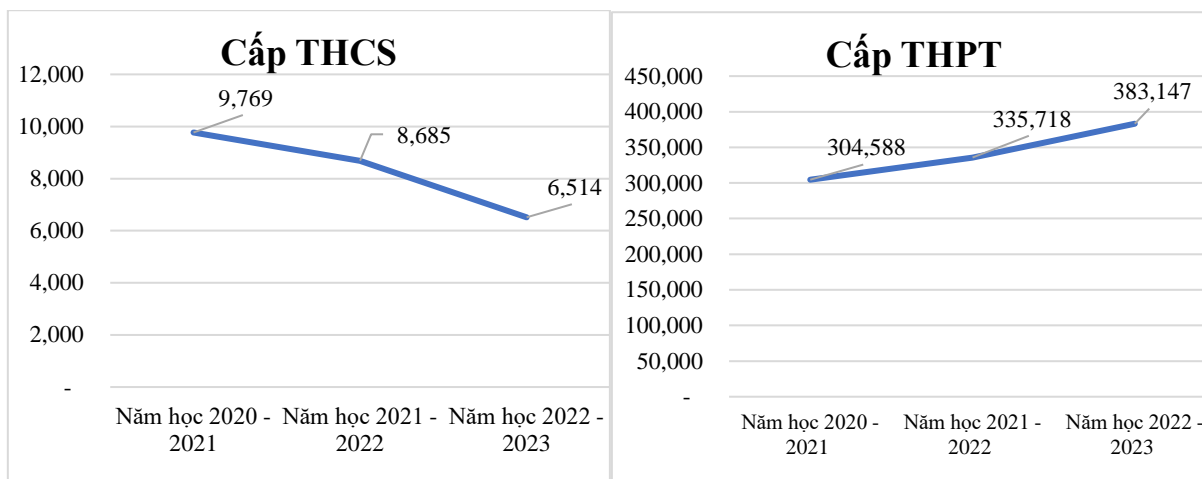
¹⁴³ Theo báo cáo số liệu thống kê, cả nước hiện nay có 05 tỉnh đã sáp nhập 100% TTHTCĐ với trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã (gồm Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, Tây Ninh, Long An, Bến tre).

¹⁴⁴ Theo số liệu thống kê, cả nước có 10.599 xã/phường/thị trấn.

¹⁴⁵ Trong đó, có 922 trung tâm ngoại ngữ, tin học công lập, có 4.831 trung tâm ngoại ngữ, tin học tư thục; có 5.122 trung tâm ngoại ngữ, trung tâm ngoại ngữ-tin học và 176 trung tâm tin học

¹⁴⁶ Trong đó có 1.247 trung tâm thực hiện giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (tăng 215 trung tâm so với năm học 2021-2022), trong đó có 1.226 trung tâm có vốn đầu tư trong nước và 21 trung tâm có vốn đầu tư nước ngoài.

¹⁴⁷ Tập trung chủ yếu tại một số địa phương như Hà Nội, TP HCM, Nam Định, Sơn La, Bình Phước, Đồng Nai, Đắk Lắk, ...



Số người học chương trình giáo dục thường xuyên các cấp năm học 2022 - 2023
 [Nguồn: Thống kê sơ bộ Cơ sở dữ liệu ngành]

Các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ và Sở GDĐT, chủ động xây dựng và triển khai tổ chức linh hoạt kế hoạch dạy học của trung tâm. Tư vấn hướng dẫn học viên và cha mẹ học viên lựa chọn các môn học phù hợp với năng lực của học viên theo định hướng nghề nghiệp. Các địa phương đã chú trọng rà soát, phân loại trình độ học sinh, xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi để chuẩn bị cho các em đủ điều kiện để tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT. Việc thực hiện dạy văn hóa kết hợp với học nghề được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo nội dung của từng chương trình, đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Kết quả, tỷ lệ tốt nghiệp THPT của khối giáo dục thường xuyên đạt 94,46% (tăng 1,14% so với năm học 2021 - 2022).

Năm học 2022 - 2023 là năm đầu tiên thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT¹⁴⁸ tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Bộ GDĐT đã chủ động tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GDĐT, các địa phương đã ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT theo các nội dung kế hoạch dạy học của trung tâm; chủ động tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho toàn bộ cán bộ quản lý và giáo viên¹⁴⁹ về Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên là 20.880 người¹⁵⁰ (giảm 5.599 người so với năm học 2021 - 2022), trong đó, có 1.725 cán

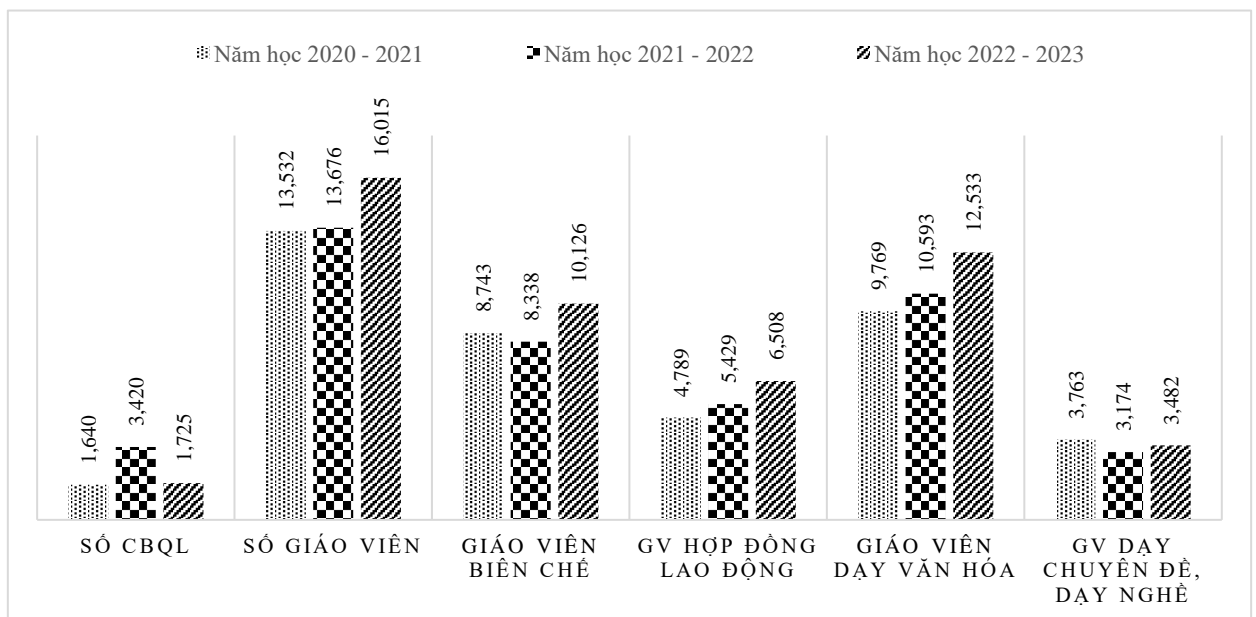
¹⁴⁸ Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 24/12/2022.

¹⁴⁹ 100% giáo viên đã tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chương trình, sách giáo khoa của Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp THPT theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

¹⁵⁰ Bao gồm các giáo viên biên chế của trung tâm (10.126 người), còn lại là các giáo viên hợp đồng (6.508 người).

bộ quản lý (giảm 1.750 người so với năm học trước), 16.015 giáo viên¹⁵¹ (tăng 1.486 người so với năm học trước). Các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã bám sát định hướng đổi mới Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT để chủ động tuyển dụng giáo viên, đưa giáo viên đào tạo lại, đào tạo bổ sung, sẵn sàng cho việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

Tuy nhiên, tại một số địa phương¹⁵², đội ngũ giáo viên biên chế dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT còn ít, chưa đủ về số lượng và về cơ cấu theo các môn học. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc bố trí giáo viên và ảnh hưởng đến đảm bảo chất lượng dạy học. Mặt khác, cơ chế chính sách cho đội ngũ nhà giáo chưa đồng bộ, công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các địa phương chưa được chú trọng, nhất là việc tập huấn đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa triển khai cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.



Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên tại trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

[Nguồn: Thống kê sơ bộ Cơ sở dữ liệu ngành]

Song song với việc củng cố, phát triển mạng lưới, nhiều trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến và triển khai kế hoạch chuyển đổi số, đảm bảo cung ứng các chương trình học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho người học ở mọi lứa

¹⁵¹ Gồm 12.533 giáo viên dạy chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT (tăng 1.255 người so với năm học trước) và 3.482 giáo viên dạy chuyên đề, dạy nghề (tăng 231 người so với năm học 2021-2022).

¹⁵² Quảng Bình, Quảng Nam, Cà Mau, ...

tuổi trên địa bàn, chú trọng tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và THPT đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Cơ bản đến nay điều kiện cơ sở vật chất của đa số các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã đảm bảo cho việc giảng dạy các chương trình giáo dục thường xuyên¹⁵³. Tuy nhiên, một số địa phương¹⁵⁴ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học, đặc biệt ở các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên còn cũ, lạc hậu, vẫn còn các phòng học cấp 4 hiện đang xuống cấp, tập trung ở các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,...

Bên cạnh đó, các trung tâm học tập cộng đồng tích cực triển khai các chương trình giáo dục khác đáp ứng yêu cầu đa dạng của người học¹⁵⁵. Những nội dung khóa học tại các trung tâm học tập cộng đồng đã mang đến cơ hội học tập thường xuyên cho nhiều người, ở nhiều lứa tuổi, đặc biệt là cho những người không có điều kiện học chính quy. Trong năm học 2022 - 2023, số lượt người học tham gia các lớp chuyên đề phổ biến cập nhật kiến thức, kỹ năng và các lớp bồi dưỡng thường xuyên khác tại các trung tâm học tập cộng đồng là 16.411.526 lượt người học (*tăng 2.066.770 lượt người học so với năm học 2021 - 2022 và tăng hơn 2.500.000 lượt người so với năm học 2020 - 2021*).

Về công tác xóa mù chữ, các địa phương¹⁵⁶ đã chủ động ban hành kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022; đồng thời, tích cực, chủ động mở các lớp xóa mù chữ và giáo dục sau khi biết chữ, huy động được nhiều người học¹⁵⁷. Trong năm học 2022 - 2023, cả nước đã huy động được 17.367 người học các lớp xóa mù chữ giai đoạn 1 (*tăng 6.366 người so với năm học 2021 - 2022*) và 15.125 người học các lớp xóa mù chữ giai đoạn 2 (*tăng 6.268 người so với năm học 2021 - 2022*). Đến nay, cả nước có 76,19% đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (*tăng 6,3% so với năm học trước*¹⁵⁸); 93,62% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 và 97,67% đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ người trong độ tuổi 15 - 60 tuổi biết chữ mức độ 1 và

¹⁵³ Như TTGDNN-GDTC Thanh Xuân, Hoàng Mai, Hà Đông, Hà Nội; Trung tâm GDNN-GDTC Quận 12, trung tâm GDNN-GDTC thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm GDNN-GDTC quận 12, Trung tâm GDNN-GDTC Sơn Tây, Hà Nội, trung tâm GDNN-GDTC thành phố Hải Dương,....

¹⁵⁴ Như: Đắk Lắk, Hưng Yên,...

¹⁵⁵ Như: Hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất như kỹ thuật: gieo cấy lúa; trồng cây vụ đông; thâm canh lúa lai; trồng rau sạch; trồng, chiết ghép cây cảnh (cây đào, quất,...); trồng cây ăn quả (cây bưởi, cây hồng) và kỹ thuật nuôi gia súc gia cầm (lợn nạc, gà siêu trứng); tổ chức phổ biến chuyên đề về kinh tế vườn, kinh tế trang trại, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp; tổ chức truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình; phổ biến kiến thức làm mẹ; cách phòng chống dịch cúm gia cầm; phương pháp phòng chống suy dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, trẻ em và người cao tuổi; tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước,...

¹⁵⁶ Hà Giang, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Bắc Giang, Long An, Bình Định, Vĩnh Long, Hậu Giang, Bình Thuận, Bắc Kạn, Hà Tĩnh, Nam Định, Kon Tum, Ninh Thuận, Hà Nam, Tiền Giang, Phú Thọ, Sơn La, Quảng Trị, Lạng Sơn, Kiên Giang, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Hòa Bình, Quảng Nam, ...

¹⁵⁷ Hà Giang (5.897 học viên), Lai Châu (5176 học viên), Lào Cai (2.325 học viên), Yên Bái (2.088 học viên), Sơn La (2.303 học viên), Lạng Sơn (1.269 học viên), TP. Hồ Chí Minh (1.547 học viên), Điện Biên (1.416 học viên), Thừa Thiên Huế (1.176 học viên).

¹⁵⁸ Phú Yên, Kiên Giang, Sóc Trăng, Quảng Nam.

mức độ 2 lần lượt là 98,85% và 97,29%.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên còn thiếu, ít được quan tâm đầu tư xây dựng, mua sắm.

Đội ngũ giáo viên biên chế dạy văn hóa tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên còn ít, chưa đủ về số lượng và cơ cấu theo các môn học, đội ngũ giáo viên hợp đồng lao động không ổn định nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Mặt khác, cơ chế chính sách cho đội ngũ nhà giáo chưa đồng bộ, công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các địa phương chưa được chú trọng.

Chất lượng giáo dục thường xuyên vẫn còn hạn chế do chất lượng đầu vào giáo dục thường xuyên thấp, học viên chưa có ý thức học tập trong khi cùng một lúc học hai chương trình (chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT kết hợp trung cấp nghề) nên có khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng.

Việc huy động người mù chữ ra học các lớp xóa mù chữ ở một số địa phương còn nhiều người mù chữ chưa được quan tâm chỉ đạo thường xuyên; tỷ lệ huy động người học xóa mù chữ ở vùng biên giới, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn còn thấp, kết quả xóa mù chữ không bền vững. Công tác điều tra, rà soát số người mù chữ chưa được coi trọng, số liệu không cập nhật thường xuyên và chưa chính xác.

6.4. Công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2023¹⁵⁹; thành lập Ban Chỉ đạo cấp quốc gia Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức Kỳ thi; phối hợp với Cục An ninh chính trị nội bộ (A03), Bộ Công an ban hành Công văn hướng dẫn công tác bảo đảm an ninh an toàn trong tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT¹⁶⁰; hướng dẫn học sinh đang học lớp 12 đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT theo hình thức trực tuyến¹⁶¹; hoàn thành rà soát các phần mềm phục vụ tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023. Ngay sau khi kết thúc ngày thi đầu tiên, Bộ GDĐT đã ban hành Công điện về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn Kỳ thi gửi UBND các tỉnh, thành

¹⁵⁹ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁶⁰ Công văn số 3101/ANCTNB&QLCL ngày 11/5/2023.

¹⁶¹ Tính đến thời điểm 17h00 ngày 13/5/2023, tổng thí sinh đăng ký dự thi thành công là 1.025.166 (tăng khoảng 24.000 em so với năm 2022); trong đó, số thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến chiếm 94,51%; số thí sinh đăng ký dự thi trực tiếp chiếm 5,49%; thí sinh tự do chiếm 4,71% (48.309 thí sinh); số thí sinh dự thi chỉ để xét tốt nghiệp THPT là 73.232 (chiếm 7,14%); số thí sinh chỉ dự thi để xét tuyển sinh là 34.203 (chiếm 3,34%); số thí sinh dự thi để xét tốt nghiệp và tuyển sinh là 917.731 (chiếm 89,52%).

phổ trực thuộc Trung ương đề nghị tăng cường phòng chống, việc sử dụng thiết bị công nghệ cao để gian lận thi cử¹⁶².

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đã được tổ chức thành công, đảm bảo nghiêm túc và an toàn, với tổng số thí sinh dự thi là 1.012.398 (đạt tỷ lệ 98,86% so với tổng số thí sinh đăng ký dự thi). Kỳ thi năm nay, Bộ GDĐT tiếp tục tổ chức đăng ký dự thi theo hình thức trực tuyến cho đối tượng thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022 - 2023, với gần 95% số lượng thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến. Trong các ngày đăng ký dự thi, hệ thống quản lý thi hoạt động ổn định; việc đăng ký dự thi của thí sinh diễn ra bình thường, cơ bản thuận lợi, bảo đảm cơ sở dữ liệu thi chính xác, góp phần quan trọng để tổ chức Kỳ thi khách quan, công bằng. Nội dung đề thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12. Đề thi có sự phân hóa phù hợp bảo đảm khách quan để xét công nhận tốt nghiệp và cung cấp dữ liệu cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp sử dụng để tuyển sinh theo tinh thần tự chủ.

Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn; xây dựng kế hoạch tổ chức thi sát thực tế; thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và thời gian thực hiện. Các địa phương đều có các giải pháp hỗ trợ tối đa cho thí sinh trong các ngày thi, đặc biệt là thí sinh người đồng bào dân tộc, con gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo mọi thí sinh đều có thể tham dự Kỳ thi; đồng thời, huy động các nguồn lực nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh tham gia Kỳ thi. Công tác chấm thi được các địa phương thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy chế và hướng dẫn của Bộ GDĐT. Một số vướng mắc về kỹ thuật trong quá trình chấm thi, nhất là chấm thi trắc nghiệm đã được Bộ GDĐT hướng dẫn và hỗ trợ xử lý kịp thời đảm bảo tiến độ và chất lượng chấm thi.

Tỷ lệ tốt nghiệp chung toàn quốc đạt 98,88%. Kết quả thi phản ánh khách quan kết quả học tập của các thí sinh và chất lượng dạy học ở các địa phương.

b. Tôn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bộ GDĐT đã tiếp nhận một số ý kiến phản ánh về đề thi. Bộ GDĐT đã yêu cầu các Tổ ra đề của Hội đồng ra đề thi rà soát để có giải trình và có phương án xử lý phù hợp, kịp thời nên vẫn đảm bảo quyền lợi của thí sinh.

Một số Hội đồng thi còn để xảy ra việc thí sinh vi phạm quy chế thi. Tuy nhiên, đây là những trường hợp cá biệt, không làm ảnh hưởng đến kết quả chung của Kỳ thi. Bộ GDĐT đã kịp thời phối hợp với Bộ Công an để xử lý theo quy định, đồng thời chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí về tình hình diễn biến kỳ thi, việc xử lý những trường hợp vi phạm quy chế và các tình huống bất thường để kịp thời tuyên truyền, cảnh báo, răn đe.

¹⁶² Công điện số 1111/CD-BGDĐT ngày 28/6/2023.

7. Triển khai quy hoạch, nâng cao năng lực hệ thống giáo dục đại học

a. Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đang khẩn trương triển khai xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹⁶³ theo hướng thiết lập một hệ thống giáo dục đại học mở, công bằng, bình đẳng, chất lượng, hiệu quả và phục vụ nhu cầu học tập suốt đời; đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao, tăng cường nghiên cứu khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; bảo đảm đầu tư công bằng, khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và hiệu quả, đồng thời là cơ sở huy động nguồn lực xã hội phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án “xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học”¹⁶⁴ nhằm sử dụng các học liệu có chất lượng cao được xây dựng bởi các nhà khoa học có uy tín thành các nguồn tài nguyên dùng chung cho nhiều cơ sở giáo dục đại học, giúp cho nhiều sinh viên có cơ hội được tiếp cận nghiên cứu và học tập; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Các giải pháp tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”¹⁶⁵ nhằm kiểm soát, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; hoàn thiện Báo cáo về việc thực hiện chính sách pháp luật về đào tạo tiến sĩ nhằm đánh giá về chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo trình độ tiến sĩ thời gian qua, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân vướng mắc về cơ chế, chính sách trong tổ chức triển khai thực hiện tự chủ và bảo đảm chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ, trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo trình độ tiến sĩ; ban hành quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm¹⁶⁶; hoàn thiện hệ thống các quy định về cao đẳng sư phạm¹⁶⁷; sửa đổi, bổ sung quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non¹⁶⁸ áp dụng cho tuyển sinh năm 2023.

Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai tự chủ đại học hiệu quả, đi vào thực chất, Bộ GDĐT đã xây dựng dự thảo Chỉ thị đẩy mạnh tự chủ đại học ở Việt Nam và trình

¹⁶³ Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 17/02/2021 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

¹⁶⁴ Tờ trình số 1420/TTr-BGDĐT ngày 07/10/2022.

¹⁶⁵ Tờ trình số 680/TTr-BGDĐT ngày 25/4/2023 về việc phê duyệt Đề án “Các giải pháp tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”.

¹⁶⁶ Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm.

¹⁶⁷ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 về Điều lệ trường cao đẳng sư phạm; Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

¹⁶⁸ Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28/4/2023 sửa đổi Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành¹⁶⁹ để chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở giáo dục đại học, tập trung triển khai một số nhiệm vụ cụ thể để tháo gỡ, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tự chủ đại học.

Các cơ sở giáo dục đại học đã chủ động rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả; cụ thể hóa và nâng cao vai trò của Hội đồng trường trong tổ chức quản trị hoạt động. Đến nay, cả nước có 154/170 cơ sở giáo dục đại học công lập đã thành lập Hội đồng trường và đi vào hoạt động (đạt tỷ lệ 90,6%) theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; trong đó, có 36/36 cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ GDĐT đã thành lập Hội đồng trường. Việc thành lập Hội đồng trường tại các trường trực thuộc các Bộ, ngành, địa phương đạt tỷ lệ 91,18%; trong đó, 15 cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc các Bộ, ngành, địa phương đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công nhận Hội đồng trường.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đại học đã chủ động tăng số lượng giảng viên và giảm số lượng lao động không hành chính; đồng thời, thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao thu nhập cho giảng viên; đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đáp ứng đầy đủ hơn điều kiện giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; liên kết với thị trường lao động đi vào thực chất; tăng cường kiểm soát các khoản chi, gia tăng tiết kiệm, bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn lực.

Kết quả thực hiện tự chủ về chuyên môn học thuật ở các cơ sở giáo dục đại học cũng cho thấy, thực hiện tự chủ trong việc mở ngành đào tạo/chương trình liên kết đào tạo là một nội dung quan trọng trong hoạt động tự chủ; bên cạnh việc mở ngành đào tạo mới, phát triển các chương trình liên kết đào tạo trong và ngoài nước, các trường cũng tích cực điều chỉnh các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học; đổi mới phương pháp giảng dạy tiên tiến, tiếp cận với chuẩn đào tạo và chương trình đào tạo quốc tế, chủ động tăng cường công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục. Có thể thấy, tự chủ đại học đã tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tuyển sinh, thu hút sinh viên giỏi. Quy mô tuyển sinh sinh viên hệ đại trà sau tự chủ có xu hướng giảm và thay vào đó là tăng quy mô tuyển sinh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo bằng tiếng Anh.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025¹⁷⁰; Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

¹⁶⁹ Tờ trình số 1057/TTr-BGDĐT ngày 16/6/2023 tờ trình về phê duyệt Chỉ thị đẩy mạnh tự chủ đại học ở Việt Nam.

¹⁷⁰ Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng GDĐH giai đoạn 2019 – 2025.

các cơ sở GDĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT giai đoạn 2019 - 2030¹⁷¹; tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, thành lập và đẩy mạnh hoạt động của các hội đồng tư vấn khối ngành để xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cho các lĩnh vực, các nhóm ngành của giáo dục đại học. Tiếp tục phát triển mô hình trường đại học xuất sắc¹⁷²; thúc đẩy hợp tác đại học - doanh nghiệp, gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội. Các cơ chế, chính sách này có tác động lớn và tính lan tỏa cao, phát huy nội lực của toàn hệ thống.

Các cơ sở giáo dục đại học ngày càng chủ động hơn trong việc quyết định hướng nghiên cứu và tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Số lượng các công trình khoa học công bố quốc tế của các trường đại học Việt Nam ngày càng tăng; nhiều công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học được chuyển giao công nghệ, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn. Đặc biệt, theo công bố tại website research.com, bố kết quả xếp hạng các nhà khoa học thế giới có thành tích xuất sắc trong công bố khoa học theo 24 lĩnh vực¹⁷³, Việt Nam có 10 nhà khoa học có tên trong bảng xếp hạng trong 06 lĩnh vực¹⁷⁴ (bao gồm: *Kỹ thuật Công nghệ, Khoa học Máy Tính, Khoa học Môi trường, Khoa học Vật Liệu, Cơ khí và Kỹ thuật hàng không vũ trụ, Y học cộng đồng*). Điều này phản ánh sự tiến bộ, nỗ lực và hội nhập không ngừng của các nhà khoa học Việt Nam, những lĩnh vực mà Việt Nam được ghi nhận trên bản đồ khoa học của thế giới. Đồng thời, cũng cho thấy cần đầu tư hơn nữa cho các nhà khoa học, cho các nhóm nghiên cứu mạnh, cho các trường đại học mũi nhọn trọng điểm, để khoa học công nghệ Việt Nam tiếp cận các chuẩn mực và trình độ quốc tế, hội nhập mạnh mẽ hơn với khoa học của thế giới

Số lượng các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định ngày càng tăng. Tính đến ngày 30/6/2023, theo tiêu chuẩn trong nước, có 264 cơ sở đào tạo hoàn thành báo cáo tự đánh giá chu kỳ 1 (trong đó, có 242 cơ sở giáo dục đại học và 22 trường Cao đẳng sư phạm) và 84 cơ sở GDĐH hoàn thành tự đánh giá chu kỳ 2; 183 cơ sở GDĐH và 12 trường cao đẳng sư phạm được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; 1.206 chương trình đào tạo hoàn thành báo cáo tự đánh giá (trong đó có 997 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài) và 849 chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn Bộ GDĐT ban hành¹⁷⁵. Theo tiêu

¹⁷¹ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở GDĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT giai đoạn 2019 - 2030.

¹⁷² Trường Đại học Việt - Pháp, Trường Đại học Việt - Đức, Trường Đại học Việt - Nhật.

¹⁷³ Animail Science and Veterinary; Biology and Biochemistry; Business and Management; Chemistry; Computer Science; Earth Science; Ecology and Evolution; Economics and Finance; Electronics and Electrical Engineering; Engineering and Technology; Environmental Sciences; Genetics and Molecular Biology; Immunology; Law and Political Science; Mathematics; Mechanical and Aerospace Engineering; Medicine; Microbiology and Neuroscience.

¹⁷⁴ Trước đó, tháng 10/2021, tạp chí PLoS Biology (Hoa Kỳ) đã công bố kết quả xếp hạng 100.000 nhà khoa học có ảnh hưởng nhất thế giới năm 2021. Theo thứ tự bảng xếp hạng này, Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Nguyễn Đình Đức và Phó giáo sư, Tiến sĩ Lê Hoàng Sơn là 2 trong số 5 nhà khoa học Việt Nam vào nhóm 10.000 nhà khoa học hàng đầu thế giới.

¹⁷⁵ Bộ tiêu chuẩn được xây dựng theo hướng tiếp cận với tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Mạng lưới bảo đảm chất lượng các trường đại học ASEAN.

chuẩn nước ngoài, có 09 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá ngoài và được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục của Hội đồng Cấp cao về Đánh giá nghiên cứu và GDDH Pháp (HCERES) và AUN-QA; 393 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi 10 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài có uy tín.

Các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục được xếp hạng cao và tăng thứ bậc trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế. Có 5 đại diện có tên trong bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới năm 2024 của Tổ chức Quacquarelli Symonds (QS) (trong đó, trường Đại học Duy Tân được xếp ở vị trí 514 (tăng 286 bậc so với năm ngoái) và cũng là thứ hạng cao nhất của một đại học Việt Nam trên bảng xếp hạng đại học thế giới từ trước đến nay); 09 cơ sở giáo dục đại học¹⁷⁶ vào bảng xếp hạng tầm ảnh hưởng của Times Higher Education (THE) (trong đó, tăng 02 cơ sở giáo dục đại học so với năm trước và đông nhất từ trước đến nay).

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Hiện nay chưa có sự thống nhất về một số nội dung liên quan giữa Luật Giáo dục đại học với một số văn bản luật khác như: Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật đấu thầu, Luật xây dựng, Luật sử dụng tài sản công... dẫn đến những khó khăn, vướng mắc cho các trường đại học trong quá trình thực hiện đầy mạnh tự chủ theo Luật Giáo dục Đại học nhưng vẫn phải tuân thủ, thực hiện các Luật liên quan.

Hơn nữa, một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành liên quan cũng tạo ra các rào cản cho quá trình tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Phương thức quản lý của cơ quan cấp trên hiện vẫn chưa kịp thời thay đổi, quản lý nhà nước theo quan điểm tự chủ còn hạn chế. Nguyên nhân là do quan điểm, nhận thức về tự chủ đại học học chưa thống nhất và phù hợp; phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện còn nặng về hành chính; chưa ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh trách nhiệm giải trình; chưa thường xuyên cập nhật thông tin báo cáo và thực hiện công khai.

Một số cơ sở giáo dục đại học vẫn chưa quan tâm và chú trọng xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong nhà trường do nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, chưa chú trọng đến công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, thiếu nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở vật chất.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, nhiều chính sách và quy định¹⁷⁷ về chuyển đổi số đã

¹⁷⁶ Trường Đại học Kinh tế TP HCM (vị trí 301 - 400); Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Duy Tân (vị trí 401-600, tăng 200 bậc so với năm ngoái); Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học FPT và Trường Đại học Tôn Đức Thắng (hạng 601-800); Trường Đại học Phenikaa (hạng 801-1.000); Trường Đại học Mở TP HCM (vị trí 1.001+).

¹⁷⁷ Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 4597/QĐ-

được Bộ GDĐT ban hành kịp thời, tạo hành lang pháp lý triển khai chuyển đổi số trong giáo dục. Toàn ngành Giáo dục tiếp tục đẩy mạnh việc số hóa, xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và bảo hiểm. Hiện nay, gần 25 triệu hồ sơ học sinh và giáo viên đã được kết nối và xác thực định danh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đạt tỷ lệ gần 98%). Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học (HEMIS) và thực hiện kết nối kỹ thuật Cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Tính đến nay, đã đồng bộ dữ liệu về người lao động, việc làm của gần 300 nghìn sinh viên đã tốt nghiệp năm 2022 nhằm hỗ trợ công tác thống kê tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, dự báo nguồn nhân lực và xu hướng nghề nghiệp của sinh viên ra trường.

Việc triển khai Hệ thống đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT đã tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có thể đăng ký dự thi mọi lúc, mọi nơi có kết nối Internet, tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm thiểu việc sử dụng hồ sơ giấy (năm 2023 có khoảng 1 triệu thí sinh đăng ký thông tin dự thi trực tuyến, đạt tỷ lệ lên 94,4%). Tích hợp “Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” với Cổng dịch Công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến tiếp tục được triển khai trong năm 2023 với một số cải tiến kỹ thuật để thuận lợi hơn cho thí sinh. Đặc biệt, thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ có quy định việc bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, qua đó ngành công an dừng việc cấp giấy xác nhận lịch sử thường trú của học sinh, đây là một thách thức rất lớn đối với ngành giáo dục để thực hiện công tác thi và tuyển sinh đầu cấp của hàng triệu học sinh. Trước tình huống cấp bách đó, Bộ GDĐT đã kịp thời sửa đổi các quy định, bãi bỏ yêu cầu nộp hoặc xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực GDĐT; phối hợp với Bộ Công an hoàn thành việc thu thập xây dựng Cơ sở dữ liệu lịch sử thường trú của học sinh (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư); đồng thời, xây dựng và cung cấp dịch vụ trực tuyến¹⁷⁸ phục vụ tra cứu, xác thực trực tuyến lịch sử thường trú của học sinh nhằm xác định đúng đối tượng ưu tiên khu vực. Đến nay, hàng triệu học sinh đã được xác thực lịch sử thường trú trực tuyến và ngành giáo dục cơ bản hoàn thành các kỳ thi và tuyển sinh đầu cấp, thực hiện nghiêm Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Toàn ngành đã chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong quản lý giáo dục. Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục, đào tạo đã kết nối internet tốc độ cao, 90% các cơ sở giáo dục sử dụng phần mềm quản lý, trong đó hầu hết là phần mềm quản lý theo mô hình trực tuyến. Ứng dụng

BGDĐT ngày 28/12/2022 quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT, Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành các bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục

¹⁷⁸ Hoạt động chính thức từ ngày 26/4/2023.

công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học được tăng cường triển khai. Bộ GDĐT đã ban hành tiêu chí, quy trình xây dựng học liệu điện tử các cấp học làm cơ sở xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến dùng chung¹⁷⁹. Kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành (bao gồm cả học liệu mở) được đưa vào khai thác sử dụng, chia sẻ gần 5.000 bài giảng e-learning, hơn 2.000 video bài giảng dạy trên truyền hình, 200 thí nghiệm ảo, 35.000 câu hỏi trắc nghiệm, gần 200 đầu sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông,... Đồng thời, Bộ GDĐT đã tổ chức cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử, với 213 bài giảng¹⁸⁰ được trao giải, trên tổng số 42.983 sản phẩm dự thi. Ngoài ra, đã lựa chọn 2.130 bài giảng để đưa lên kho học liệu số dùng chung, miễn phí toàn ngành để chia sẻ với các nhà trường, giáo viên và học sinh trong cả nước tham khảo sử dụng, đáp ứng nhu cầu dạy và học trực tuyến.

Thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước¹⁸¹, Bộ GDĐT đã tập trung kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; công bố công khai các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định. rà soát và cập nhật toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ; gắn kết danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cập nhật, chuẩn hóa với 213 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (đạt 100%)¹⁸². Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 lĩnh vực giáo dục và đào tạo (trong đó: 03 dịch vụ ở mức độ 3, 47 dịch vụ ở mức độ 4); kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia và cung cấp 15 dịch vụ công trực tuyến¹⁸³. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của Bộ GDĐT năm 2022 tăng 02 bậc so với năm 2021.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Nhận thức về vị trí, vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và việc trang bị kiến thức, kỹ năng số chưa đến được tất cả cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, người học.

Nguồn lực đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, quản trị, dạy học và kiểm tra, đánh giá còn hạn chế, chưa được đầu tư đúng mức; việc huy động các nguồn lực xã hội hóa còn chưa thực sự hiệu quả.

Việc triển khai học bạ điện tử đã thu nhận được nhiều kết quả, tuy nhiên việc công nhận, xác thực học bạ điện tử còn gặp nhiều khó khăn trong sử dụng.

¹⁷⁹ Quyết định số 3784/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2022; Quyết định số 3694/QĐ-BGDĐT ngày 15/11/2022.

¹⁸⁰ Cụ thể: 12 giải nhất, 25 giải nhì, 29 giải ba, 40 giải khuyến khích, 6 giải ý tưởng sáng tạo và ứng dụng công nghệ hiệu quả cho các bài giảng về giáo dục mầm non và 100 giải phong trào.

¹⁸¹ Theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

¹⁸² Công văn số 2324/BGDĐT-VP ngày 03/6/2022 về việc hoàn thành chuẩn hóa Danh mục kết quả, thành phần hồ sơ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

¹⁸³ Trong đó, có 13 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và 02 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

9. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023 ghi nhận nhiều dấu ấn về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDĐT sau thời gian gián đoạn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Với vai trò là Chủ tịch luân phiên của hợp tác giáo dục ASEAN, Bộ GDĐT đã tổ chức thành công chuỗi Hội nghị Bộ trưởng, quan chức cấp cao Giáo dục ASEAN tại Hà Nội. Đoàn đại biểu Bộ GDĐT do Bộ trưởng Bộ GDĐT dẫn đầu đã tham dự và có nhiều đóng góp quan trọng tại Hội nghị Thượng đỉnh toàn cầu về chuyển đổi giáo dục do Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc chủ trì, với sự tham dự của 200 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Năm học 2022 - 2023, cả nước có 390 cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 02 cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài so với năm học 2021 - 2022); 2.438 công ty tư vấn du học (tăng 60 công ty so với năm học trước). Bộ GDĐT đã chủ động và chủ trì đàm phán, thực hiện ký kết 15 Điều ước và Thỏa thuận quốc tế, trong đó có 05 thỏa thuận cấp Chính phủ; đồng thời, tích cực tham gia một số cơ chế tiểu vùng, khu vực và liên khu vực ASEAN, ASEM, APEC. Các điều ước, thỏa thuận quốc tế là căn cứ và là hành lang pháp lý quan trọng để triển khai các hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục và các địa phương.

Bộ GDĐT đã chủ động hợp tác chặt chẽ và chia sẻ kinh nghiệm về giáo dục với nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là với Lào và Campuchia. Hiện nay, có khoảng 190.000 du học sinh Việt Nam đi học tập tại nước ngoài và có khoảng 22.000 lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại Việt Nam. Đồng thời, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các tổ chức, cá nhân có liên quan để dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, từ đó giúp thúc đẩy việc hội nhập và nâng cao quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các Việt Nam và các quốc gia trong khu vực và các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.

Công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục phổ thông ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh. Năm học 2022 - 2023, số cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài chiếm khoảng 20% tổng số cơ sở giáo dục tư thục cấp THCS và khoảng 7,9% tổng số cơ sở giáo dục tư thục cấp THPT; với khoảng hơn 9000 học sinh người Việt Nam học tại các cơ sở giáo dục này. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã phê duyệt 43 chương trình giáo dục tích hợp giữa chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam và chương trình giáo dục của nước ngoài. Các nhà trường căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam chủ động xây dựng Chương trình Việt Nam học phù hợp với học sinh nhà trường, xây dựng thời gian biểu thực hiện nghiêm túc. Ngoài ra, có gần 80 cơ sở giáo dục có phát triển hợp tác quốc tế¹⁸⁴ trong các lĩnh vực chủ yếu là tăng cường năng lực ngoại ngữ cho học sinh, giáo viên; giao lưu kết nghĩa (04 cơ sở giáo dục), trao đổi giáo viên, học sinh (số lượt trao đổi học sinh/giáo viên

¹⁸⁴ Các đối tác chủ yếu gồm Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Bỉ, Hà Lan, Canada, Anh, Úc,...

trong năm học 2022 - 2023 là 16 lượt); hỗ trợ các hoạt động giáo dục như phòng chống đuối nước, bóng đá cộng đồng, hỗ trợ học sinh khuyết tật, ...

Ở một số địa phương có điều kiện thuận lợi, các hoạt động tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực GDĐT được đẩy mạnh; triển khai kịp thời và ban hành hướng dẫn thực hiện hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về GDĐT và các quy định về điều kiện đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia hoạt động giáo dục, kết nối chia sẻ kinh nghiệm và thúc đẩy hợp tác, đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, tích hợp chương trình giáo dục Việt Nam và quốc tế¹⁸⁵.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Việc triển khai nội dung giáo dục bắt buộc đối với học sinh Việt Nam học chương trình giáo dục nước ngoài tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài chưa được chấp hành đầy đủ, cách thức thực hiện chưa thống nhất giữa các cơ sở giáo dục trong cùng một tỉnh/thành phố.

Một số công ty tư vấn chưa thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, như việc ký hợp đồng với đối tác nước ngoài, thông tin về kiểm định và chất lượng của đối tác nước ngoài.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

a. Kết quả đạt được

Ngay từ đầu năm học 2022 - 2023, Bộ GDĐT đã xây dựng kế hoạch và hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong GDĐT.

Trong năm học 2022 - 2023, Bộ GDĐT đã tiến hành 07 cuộc thanh tra hành chính đối với 08 đơn vị; 10 cuộc thanh tra chuyên ngành đối với 15 đơn vị và 37 cuộc kiểm tra các địa phương, cơ sở. Trong đó, tập trung thanh tra trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường; việc thực hiện chính sách pháp luật và thực hiện tự chủ tổ chức bộ máy, nhân sự; quản lý tài chính, tài sản; công tác tuyển sinh, đào tạo; khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế và đầu tư với nước ngoài; trách nhiệm người đứng đầu về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của UBND cấp tỉnh, các Bộ, ngành; trách nhiệm quản lý nhà nước trong lựa chọn sách giáo khoa và quy trình lựa chọn sách giáo khoa, dạy thêm, học thêm.

Bên cạnh đó, các Sở GDĐT cũng đã tổ chức 216 cuộc thanh tra hành chính

¹⁸⁵ Thành phố Hồ Chí Minh xúc tiến đầu tư, ký kết 03 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác (Bản ghi nhớ với Thành phố Palmerston North, New Zealand; Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác ba bên giữa Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM, EMG Education và Pearson Education nhằm hiện thực hóa việc đưa công nghệ thông tin vào khảo sát năng lực ngoại ngữ của học sinh; Ghi nhớ hợp tác giữa Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giáo dục tỉnh Jeollanamdo).

và 513 cuộc thanh tra chuyên ngành. Trong đó, nội dung thanh tra tập trung vào việc thực hiện quy định về tổ chức, biên chế của các cơ sở giáo dục trực thuộc; trách nhiệm của người đứng đầu; việc thực hiện quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; tuyển dụng viên chức ngành giáo dục; sử dụng đội ngũ; việc thực hiện quy chế của đơn vị; trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo; việc quản lý dạy thêm, học thêm, các khoản thu, chi đầu năm học (các khoản thu ngoài ngân sách); việc thực hiện quy chế chuyên môn, đánh giá chuẩn nghề nghiệp; thực hiện công khai tại các cơ sở giáo dục, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, tư vấn du học,...

Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã phát hiện những hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong quản lý và kịp thời kiến nghị xử lý vi phạm, đề xuất các biện pháp khắc phục, góp phần phòng ngừa, chấn chỉnh vi phạm, duy trì kỷ cương, nề nếp trong tổ chức và hoạt động giáo dục.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Số lượng cán bộ, công chức của Thanh tra một số Sở GDĐT chưa đảm bảo số lượng theo biên chế theo quy định, đặc biệt một số Sở GDĐT chỉ có 02 công chức làm công tác thanh tra, một số Sở GDĐT chưa được kiện toàn về tổ chức, cán bộ thanh tra Sở chưa được bổ nhiệm ngạch thanh tra theo quy định.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của một số Sở GDĐT chưa thật sự phù hợp, cân đối giữa số cuộc thanh tra hành chính với thanh tra chuyên ngành và thanh tra đột xuất; chưa tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, chưa kịp thời lựa chọn những vấn đề gây bức xúc trong dư luận xã hội; chưa tập trung thực hiện thanh tra, kiểm tra liên kết đào tạo; chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thanh tra năm học.

Việc phối hợp giữa Sở GDĐT với thanh tra cấp tỉnh, thanh tra cấp huyện trong hoạt động thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp còn hạn chế.

Điều kiện bảo đảm, chế độ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra và cho đội ngũ tham gia làm công tác thanh tra, kiểm tra tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; nhất là chế độ cho những người tham gia công tác thanh tra, kiểm tra thi.

11. Đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, toàn ngành Giáo dục tiếp tục thực hiện Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, gắn với các phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ phát động¹⁸⁶; phong trào học tập, làm theo

¹⁸⁶ Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; Công văn số 1889/BGDĐT-TCCB ngày 27/4/2023 hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; Công văn số 1522/BGDĐT-TCCB ngày 10/4/2023 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”

tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh¹⁸⁷ và cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Nội dung phong trào thi đua bám sát Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của ngành theo từng năm học; các tiêu chí thi đua được cụ thể hóa cho phù hợp với chuyên môn mỗi cấp học, bậc học và trình độ đào tạo. Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch cụ thể hóa phong trào thi đua thành những tiêu chí thi đua phù hợp với thực tiễn đơn vị; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền; thường xuyên đưa tin về các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên hệ Cổng Thông tin điện tử của Bộ, trên Fanpage Bộ GDĐT, Báo Giáo dục và Thời đại và một số báo, đài địa phương; xây dựng phóng sự về các tấm gương điển hình tiên tiến; thành lập chuyên mục gương điển hình tiên tiến trên Website ngành, bản tin...

Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”, Bộ GDĐT đã tổ chức thành công lễ phát động Phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025”¹⁸⁸, các địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến của ngành Giáo dục; qua đó, nhiều tấm gương điển hình tiên tiến, mô hình mới, nhân tố mới tiêu biểu trong đổi mới giảng dạy và học tập được tôn vinh, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo. Công tác tuyên dương, khen thưởng, giới thiệu, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt cũng đã được các đơn vị triển khai đăng tải trên hệ thống thông tin của ngành và nhiều phương tiện thông tin đại chúng. Công tác khen thưởng được thực hiện bảo đảm đúng quy định, quy trình và kịp thời, khách quan, dân chủ, công bằng; không để xảy ra các trường hợp khiếu nại, tố cáo. Khen thưởng đúng đối tượng, đúng thành tích đã kịp thời động viên những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua. Nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu đã được biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, tạo sức lan tỏa, thúc đẩy phong trào thi đua ngày càng phát triển.

Toàn ngành đã tổ chức thành công chuỗi các hoạt động nhân kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2022)¹⁸⁹, nhằm tôn vinh, tri ân

giai đoạn 2021 - 2025; ...

¹⁸⁷ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

¹⁸⁸ Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 09/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025".

¹⁸⁹ Như: Lễ trao Giải báo chí toàn quốc “Vì sự nghiệp Giáo dục Việt Nam”; Gala “Những hạt nắng vàng” tổng kết và trao giải cuộc thi “Thầy cô trong mắt em” năm 2022; Lễ tổng kết và trao giải Cuộc thi viết “Những kỷ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường” năm 2022; Chương trình “Chia sẻ cùng thầy cô” năm 2022; gặp gỡ và tặng bằng

những nỗ lực, đóng góp của đội ngũ nhà giáo trong sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo; tạo hứng khởi, khơi dậy tinh thần “hết lòng vì học sinh thân yêu”, thúc đẩy đội ngũ nhà giáo và toàn ngành Giáo dục hoàn thành tốt nhiệm vụ “trồng người” được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đây là dịp để toàn xã hội thấu hiểu, chia sẻ và đồng hành cùng ngành Giáo dục chăm lo xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo, phát triển GDĐT; qua đó, giáo dục và phát huy hơn nữa truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam. Đồng thời, là dịp ghi nhận, tri ân sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân đối với sự nghiệp GDĐT.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Một số phong trào thi đua hiệu quả chưa cao, còn mang tính hình thức, nội dung thi đua chưa phong phú, đa dạng. Công tác tuyên truyền điển hình tiên tiến mặc dù đã được quan tâm nhưng việc lan tỏa các điển hình tiên tiến còn hạn chế, chưa tìm được nhiều gương điển hình tiên tiến tiêu biểu xuất sắc; chưa phát động được phong trào học tập, làm việc theo gương điển hình đó; các địa phương, các cơ sở giáo dục mới chỉ chú trọng thực hiện truyền thông điển hình tiên tiến tại cơ sở, số lượng điển hình tiên tiến để thực hiện tuyên truyền nhân rộng trong phạm vi cấp Bộ còn hạn chế.

Nguyên nhân là do: (i) nhận thức về công tác thi đua, khen thưởng ở một số cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên chưa đầy đủ, chưa coi công tác thi đua, khen thưởng là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT hiện nay; (ii) công tác phát hiện, xây dựng các điển hình tiên tiến để bồi dưỡng và nhân rộng chưa được quan tâm đúng mức, việc khen thưởng có nơi chưa đảm bảo chính xác, kịp thời, chưa gắn kết quả hoạt động của phong trào thi đua với khuyến khích, động viên gương người tốt, việc tốt; chưa gắn kết việc khen thưởng giữa vật chất và động viên tinh thần; (iii) đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng chưa có tính ổn định lâu dài, còn mang tính thời vụ.

12. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

a. Kết quả đạt được

Năm học 2022 - 2023, với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của lãnh đạo Bộ, sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, các địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các hoạt động truyền thông GDĐT được triển khai chủ động, hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho hoạt động ban hành các chính sách chỉ đạo, điều hành, các văn bản pháp quy của các đơn vị chuyên môn; hướng dẫn, giải thích một cách minh bạch, rõ ràng các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục, trong đó tập trung vào các vấn đề lớn như thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm năm 2023; tuyên dương học sinh đạt thành tích trong các Kỳ thi

khen cho 400 nhà giáo tiêu biểu nhân kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam; Phối hợp Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức Chương trình Thay lời tri ân năm 2022 với chủ đề “Cây đời trăm năm”; thăm hỏi, tri ân các nhà giáo lão thành; khánh thành công trình tôn tạo di tích Bộ Quốc gia Giáo dục (trụ sở đầu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo) tại tỉnh Tuyên Quang; Hội thao giáo viên nhân dân toàn quốc, ...

học sinh giỏi quốc gia, các Kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực; các hoạt động kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; các kế hoạch, đề án, chương trình vận động, phong trào lớn, có ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội. Đồng thời, kịp thời xử lý các vấn đề truyền thông phát sinh, các “điểm nóng” về truyền thông.

Đồng thời, tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình phối hợp công tác với một số cơ quan thông tấn, báo chí như: Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Điện tử VOV; Báo Lao động, Báo Tiền phong, ... nhằm tuyên truyền kịp thời, chính xác chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực GDĐT.

Các kênh truyền thông chủ động như: Cổng thông tin điện tử, Fanpage trên mạng xã hội, Zalo, YouTube được rà soát, điều chỉnh, khai thác, nâng cao hiệu quả thông tin và truyền thông về ngành trên môi trường Internet và mạng truyền thông di động, đặc biệt trong các tình huống đột xuất, cần sự ủng hộ của xã hội với ngành nói riêng. Trong đó, Cổng thông tin điện tử Bộ không ngừng được nâng cấp, từ giao diện đến hạ tầng kỹ thuật, để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong việc cung cấp thông tin chỉ đạo, điều hành của Bộ tới toàn xã hội; đồng thời cung cấp thông tin chính thống về GDĐT để các cơ quan thông tin truyền thông khai thác, sử dụng. Fanpage Facebook Bộ GDĐT có khoảng 313.000 người theo dõi; lượng chia sẻ, bình luận luôn ở mức cao và ngày càng tăng, trở thành một trong những kênh cung cấp thông tin nhanh chóng và có sức lan tỏa cao.

Hiện nay, 63/63 Sở GDĐT trên cả nước đều có cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử, 56/63 Sở GDĐT có Fanpage, trong đó có một số Sở đã khai thác tốt thế mạnh của hình thức truyền thông này, qua đó cung cấp thông tin chính thống cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục, phụ huynh, học sinh và toàn xã hội¹⁹⁰.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Vẫn còn một số thông tin tiêu cực, chưa chính xác về GDĐT, đặc biệt là trên mạng xã hội, chưa được xử lý kịp thời. Nguyên nhân là do các vấn đề thuộc lĩnh vực GDĐT luôn nhận được sự quan tâm rất lớn từ dư luận xã hội; đây cũng là vấn đề có nhiều chiều bình luận theo ý kiến và mong muốn chủ quan của từng cá nhân, do đó, dễ dẫn đến những luồng thông tin, bình luận tiêu cực, thiếu đầy đủ, thiếu chính xác, gây hoang mang dư luận, đặc biệt là trên mạng xã hội.

100% Sở GDĐT trong cả nước đã thành lập bộ phận hoặc cử cán bộ phụ trách công tác truyền thông của Sở; có cán bộ phụ trách là lãnh đạo Văn phòng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Sở. Tuy nhiên, hiệu quả công tác truyền thông ở một số Sở GDĐT chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do cán bộ phụ trách truyền thông các Sở GDĐT chủ yếu là kiêm nhiệm, không ổn định, không hoặc ít được bồi dưỡng, nâng cao năng lực về công tác truyền thông.

¹⁹⁰ TP.HCM, Bình Dương, Khánh Hòa và Bắc Giang, ...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm học 2022 - 2023, với chủ đề “*Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng GDĐT*”, ngành Giáo dục đã khắc phục khó khăn, cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra trong Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Ngành Giáo dục tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT theo yêu cầu của Nghị quyết 29 của Trung ương. Bộ GDĐT đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị định, nghị quyết, đề án, kế hoạch về phát triển GDĐT, trong đó đã phân công trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan và các địa phương trong triển khai thực hiện; qua đó, đã tăng cường vai trò, trách nhiệm của các bộ, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương trong sự nghiệp phát triển GDĐT. Các Sở GDĐT đã tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, thành phố ban hành các chính sách phát triển GDĐT tại địa phương; kịp thời triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Bộ GDĐT trong lĩnh vực giáo dục.

Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm đánh giá toàn diện kết quả đạt được sau 10 năm triển khai thực hiện; chỉ ra các khó khăn, tồn tại, hạn chế cần khắc phục và đề xuất các định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với bối cảnh quốc tế và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từ đó tham mưu với Bộ Chính trị ban hành văn bản chỉ đạo nhằm tạo sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đến nay, về cơ bản các địa phương đã triển khai tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 trên địa bàn; nghiêm túc đánh giá kết quả và tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và kiến nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 6 vùng kinh tế - xã hội (vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ GDĐT đã ban hành 06 Kế hoạch hành động của Bộ GDĐT triển khai thực hiện các Nghị quyết phát triển vùng nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực GDĐT; đồng thời tổ chức thành công 06 Hội nghị phát triển GDĐT vùng. Tham dự các Hội nghị có đại diện lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan và lãnh đạo các tỉnh ủy, thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố trong vùng.

Tích cực xây dựng Chương trình Giáo dục mầm non mới. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình Giáo dục thường xuyên mới theo lộ trình. Bộ GDĐT đã điều chỉnh Chương trình tổng thể và Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử trên cơ sở giữ ổn định về quan điểm, mục tiêu, cấu trúc, lộ trình triển khai thực hiện của Chương trình. Tổ chức thẩm định và phê duyệt danh mục sách giáo khoa và phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương bảo đảm tiến độ, chất lượng. Hướng dẫn các địa phương chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt. Các địa phương và các cơ sở giáo dục đã phát huy tính chủ động, linh hoạt trong việc triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ giáo viên đã cơ bản thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; việc tổ chức quản lý đã chuyển dần theo hướng quản trị nhà trường.

Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn tiếp tục được nâng lên. Quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên tại các địa phương về cơ bản được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân. Bộ GDĐT đã tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2022 - 2023, Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học năm học 2022 - 2023. Học sinh Việt Nam tiếp tục đạt nhiều thành tích cao trong các Hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế 2023 tại Hoa Kỳ; các Kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế. Theo Bảng xếp hạng các quốc gia tốt nhất về giáo dục năm 2021 (công bố năm 2022), Việt Nam xếp thứ 59 thế giới (tăng 5 bậc so với năm trước).

Tự chủ giáo dục đại học từng bước đi vào thực chất, gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch thông tin theo quy định; hệ thống quản trị nhà trường được ưu tiên kiện toàn, hoàn thiện; tuyển sinh giáo dục đại học cơ bản giữ ổn định qua các năm, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Số lượng các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo được quốc tế công nhận và số lượng bài báo quốc tế của các nhà khoa học trong nước ngày càng tăng, từng bước khẳng định vị thế giáo dục đại học của Việt Nam trên bản đồ giáo dục quốc tế. Công tác kiểm định và các điều kiện bảo đảm chất lượng ngày càng được các cơ sở giáo dục đại học quan tâm, số lượng cơ sở GDĐH và chương trình đào tạo được công nhận kiểm định tăng mạnh.

Để từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, Bộ GDĐT đã hướng dẫn các địa phương tuyển dụng được 17.208 giáo viên trong tổng số 65.980 biên chế giáo viên được Bộ Chính trị cho phép bổ sung cho cả giai đoạn 2022 - 2026; phối hợp với các cơ quan, bộ, ngành có liên quan hoàn thiện báo cáo đề Chính phủ trình xin ý kiến Quốc hội về việc cho phép các địa phương thiếu giáo viên, còn biên chế được tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học theo chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2005; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên

chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập để làm căn cứ pháp lý cho các địa phương thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện bồi dưỡng thường xuyên tương ứng cho từng nhóm đối tượng; triển khai lộ trình đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục 2019. Đặc biệt, Bộ GDĐT đã trình và đã được Chính phủ thống nhất thông qua về sự cần thiết ban hành Luật Nhà giáo nhằm hành lang pháp lý để đội ngũ giáo viên yên tâm công tác, đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Toàn ngành đã tổ chức thành công chuỗi các hoạt động nhân kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2022), nhằm tôn vinh, tri ân những nỗ lực, đóng góp của đội ngũ nhà giáo trong sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo; tạo hứng khởi, khơi dậy tinh thần “hết lòng vì học sinh thân yêu”, thúc đẩy đội ngũ nhà giáo và toàn ngành Giáo dục hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bộ GDĐT đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam, được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đến dự và phát biểu chỉ đạo tại buổi lễ. Bên cạnh đó, trước thềm năm học mới 2023 - 2024, ngày 15/8/2023, Bộ GDĐT đã tổ chức rất thành công chương trình “Bộ trưởng gặp gỡ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục năm 2023”. Chương trình là dịp để Bộ trưởng lắng nghe được nhiều nhất những suy nghĩ, những ý kiến tâm huyết, trách nhiệm; bày tỏ được một cách trực tiếp nhất sự chia sẻ, động viên, yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp trong cả nước, qua đó toàn ngành đồng lòng, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ “trồng người” cao cả mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đây là lần đầu tiên Bộ trưởng Bộ GDĐT gặp gỡ được đông đủ nhất đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục trong cả nước. Chương trình được tổ chức trực tiếp tại điểm cầu Bộ GDĐT kết nối trực tuyến với 63 điểm cầu các tỉnh, thành phố và khoảng 40 nghìn điểm cầu tại địa phương, cơ sở giáo dục trên khắp mọi miền đất nước, với sự tham dự của gần 1 triệu giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục.

Mạng lưới, quy mô trường, lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư. Các địa phương thực hiện rà soát, dồn dịch điểm trường lẻ, sát nhập trường có quy mô nhỏ để tập trung đầu tư, bảo đảm điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên; chú trọng duy trì, mở rộng số lượng lớp học và bổ sung phòng học kiên cố, bán kiên cố và giảm số phòng học tạm, mượn tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh và phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quan tâm đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Toàn ngành tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và trong hoạt động dạy và học. Bộ GDĐT đã ban hành tiêu chí, quy trình xây dựng học liệu điện tử các cấp học làm cơ sở xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến dùng chung; đẩy mạnh việc số hóa,

xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và bảo hiểm. Đặc biệt, thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ GDĐT đã kịp thời sửa đổi các quy định, bãi bỏ yêu cầu nộp hoặc xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực GDĐT; phối hợp với Bộ Công an hoàn thành việc thu thập xây dựng Cơ sở dữ liệu lịch sử thường trú của học sinh (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư); đồng thời, xây dựng và cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ tra cứu, xác thực trực tuyến lịch sử thường trú của học sinh nhằm xác định đúng đối tượng ưu tiên khu vực. Đến nay, hàng triệu học sinh đã được xác thực lịch sử thường trú trực tuyến và ngành giáo dục cơ bản hoàn thành các kỳ thi và tuyển sinh đầu cấp, thực hiện nghiêm Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của Bộ GDĐT năm 2022 tăng 02 bậc so với năm 2021.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2022 - 2023 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể như:

Công tác soạn thảo một số văn bản còn chậm tiến độ, đặc biệt là các văn bản có ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển toàn ngành như: Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên, đặc biệt là giáo viên mầm non và giáo viên tiểu học; thiếu giáo viên môn Tiếng Anh, Tin học đối với tiểu học; môn Âm nhạc, Mỹ thuật đối với THPT khi áp dụng Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2022 - 2023. Một số địa phương còn bị động về nguồn tuyển dụng; chưa có chính sách đột phá thu hút giáo viên đến công tác ở những địa bàn khó khăn hơn.

Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở một số địa phương còn bất cập; vẫn còn tình trạng thiếu trường, thiếu lớp và áp lực tuyển sinh đầu cấp, nhất là tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được tăng cường đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định, tại một số địa phương vẫn còn phòng học nhờ, phòng học tạm; thiếu các phòng chức năng, thiết bị dạy học tối thiểu làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học, đặc biệt là khi thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tư thục, nhất là tại các vùng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất còn hạn chế. Việc các trường tổ chức dạy học theo các tổ hợp lựa chọn không giống nhau đã khiến cho việc thay đổi tổ hợp và chuyển trường của học sinh lớp 10 năm nay gặp nhiều trở ngại. Chất lượng giáo dục thường xuyên vẫn còn hạn chế; tỷ lệ huy động người học xóa mù chữ ở vùng biên giới, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn còn thấp, kết quả xóa mù chữ không bền vững.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho trẻ em, học sinh; công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lý, kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, học sinh còn chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng bạo lực học đường, mất an toàn vệ sinh thực phẩm trong trường học vẫn còn xảy ra ở một số cơ sở giáo dục. gây bức xúc trong dư luận.

Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của một số địa phương, cơ sở giáo dục còn chưa thực sự nghiêm túc; chất lượng thông tin, báo cáo còn chưa đảm bảo chất lượng (đặc biệt là việc cập nhật thông tin, số liệu trên cơ sở dữ liệu ngành), gây ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, công tác xây dựng kế hoạch là nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác quản lý và là cơ sở để thúc đẩy thực hiện các mục tiêu đề ra. Do đó, kế hoạch năm học cần được xây dựng một cách linh hoạt, có tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch để kịp thời có những giải pháp tháo gỡ.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, điều hành để tạo khung pháp lý và kịp thời đôn đốc, tháo gỡ, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn; tăng cường tuyên truyền phổ biến, giải đáp các vướng mắc để tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện chính sách. Tích cực và chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền các cấp, đề xuất những chủ trương phát triển GDĐT phù hợp với từng địa phương.

Thứ ba, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDĐT, quản trị các nhà trường; chủ động phát hiện vấn đề nảy sinh để có giải pháp giải quyết kịp thời trong công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành; bám sát thực tiễn hoạt động giáo dục, đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp trong quá trình triển khai.

Thứ tư, ưu tiên công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đội ngũ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT, có khả năng thích ứng với sự thay đổi; chủ động, tích cực tự học và tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết và tận tụy với nghề, thực sự là tấm gương cho học sinh noi theo.

Thứ năm, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho GDĐT; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực; ưu tiên đầu tư nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để bảo đảm khả thi, tránh lãng phí về nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Thứ sáu, đảm bảo công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý/kiến nghị xử lý vi phạm phải được thực hiện thường xuyên để phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực; kịp thời thanh tra, kiểm tra các vụ việc nóng, bức xúc xã hội hoặc các vụ việc báo chí đã phản ánh.

Thứ bảy, công tác truyền thông, tuyên truyền cần phải được đẩy mạnh, chủ động, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, trước hết là của các thầy giáo, cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình ở Trung ương và địa phương để cùng đồng hành với ngành trong thực hiện các chủ trương, chính sách mới về GDĐT.

Thứ tám, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đối với lĩnh vực GDĐT trên địa bàn là hết sức quan trọng, nhất là khi có sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy và các đồng chí chủ tịch UBND tỉnh, thành phố. Thực tiễn cho thấy, ở đâu và khi nào, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo đối với ngành Giáo dục địa phương thì ở đó chất lượng giáo dục được cải thiện rõ rệt.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023 - 2024 ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Năm học 2023 - 2024, ngành Giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; với chủ đề năm học 2023 - 2024 ***“Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới theo chiều sâu, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”***. Để triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu năm học 2023 - 2024, toàn ngành Giáo dục tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục

Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó lưu ý các vấn đề thực tiễn phát sinh cần điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo cơ chế, chính sách thuận lợi cho phát triển giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh tự chủ, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục.

2. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục mầm non; nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”; bảo đảm an toàn cho trẻ mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường quản lý, hỗ trợ

nâng cao chất lượng nhóm, lớp độc lập tư thực. củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, khuyến khích các địa phương có điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cấp tiểu học; lớp 6, lớp 7, lớp 8 cấp trung học cơ sở; lớp 10 và lớp 11 cấp trung học phổ thông. Tiếp tục thực hiện nội dung dạy học lớp 5, lớp 9, lớp 12 Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 theo hướng tinh giản, phù hợp và tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Triển khai thực hiện chương trình xóa mù chữ, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông bảo đảm đảm chất lượng, hiệu quả; đa dạng hóa các chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên, đẩy mạnh học tập thường xuyên, học suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách khác. Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Tổ chức tốt Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024; ban hành Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án và chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai thực hiện phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025. Phân tích, đánh giá và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông để phục vụ công tác quản lý chuyên môn và ban hành chính sách dạy và học ở cấp trung học phổ thông ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

3. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

Tiếp tục rà soát số lượng chỉ tiêu biên chế và số lượng giáo viên hiện có của các địa phương để phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Trung ương bổ sung biên chế ngành giáo dục năm học 2023 - 2024 trong tổng số biên chế giáo viên được bổ sung đến năm 2026 theo Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026. Các địa phương tuyển dụng hết số biên chế giáo viên đã được giao, ưu tiên tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học còn thiếu; sắp xếp,

điều tiết giáo viên giữa các cơ sở giáo dục tại địa phương bảo đảm hợp lý, khắc phục tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ; bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và Tin học để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; thực hiện hợp đồng giáo viên theo quy định trong trường hợp chưa tuyển đủ giáo viên; nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút, tạo nguồn tuyển dụng giáo viên và hỗ trợ, tạo điều kiện để giáo viên yên tâm công tác.

Tiếp tục triển khai lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông và thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Triển khai có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030.

4. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Có giải pháp hiệu quả để thu hút các nguồn lực hợp pháp để đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và bảo đảm thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tham mưu các cấp, các ngành bổ sung ngân sách chi thường xuyên cho các cơ sở giáo dục và đào tạo để đảm bảo chi cho hoạt động giảng dạy và học tập đạt tỷ lệ tối thiểu 19% trong tổng chi thường xuyên (chưa kể chi từ nguồn thu học phí) theo quy định.

Tiếp tục ưu tiên nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục. Ưu tiên đầu tư củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học.

5. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh

Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn ngành; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh, sinh viên noi theo.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Tăng cường

phòng, chống bạo lực học đường; hướng dẫn kỹ năng hỗ trợ, xử lý tình huống cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và kỹ năng tự xử lý cho học sinh khi gặp các tình huống có liên quan đến bạo lực học đường.

Nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh theo đường lối, chủ trương của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới; Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013 và các văn bản có liên quan. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, viên chức, người lao động theo từng đối tượng trong các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục có hiệu quả. Phát huy vai trò của giáo dục quốc phòng, an ninh trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

6. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích. Tăng cường tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường.

Tổ chức, triển khai hiệu quả Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025”; Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh, sinh viên gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức tốt Hội khỏe phù đổng các cấp lần thứ 10 năm 2024.

7. Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đẩy mạnh triển khai tự chủ đại học theo hướng đi vào chiều sâu, gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch thông tin theo quy định; ổn định phương thức tuyển sinh; tổ chức thực hiện chuẩn chương trình đào tạo và các giải pháp bảo đảm chất lượng; tăng cường phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh nghiên cứu về khoa học giáo dục.

Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam. Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh; thu hút các nguồn tài trợ quốc tế, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

Các cơ sở giáo dục đại học tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 109/2022/NĐ-

CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế và trong nước, tăng cường ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học giáo dục. Hình thành, phát triển các loại hình nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Ban hành bộ quy tắc về liên chính học thuật trong các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm nguyên tắc trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch, phù hợp với thực tiễn và theo thông lệ quốc tế.

Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước về cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; tăng cường công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục các cấp học, trình độ đào tạo; quản lý văn bằng chứng chỉ thống nhất và hướng đến hội nhập quốc tế.

8. Hội nhập quốc tế trong giáo dục

Tăng cường hội nhập quốc tế, chủ động mở rộng hợp tác song phương, đa phương; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho giáo dục và đào tạo. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài về đào tạo, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên, nhà khoa học có uy tín ở nước ngoài đến học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Việt Nam.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học. Triển khai hiệu quả các đề án, chương trình học bổng đào tạo nguồn nhân lực ở nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Khuyến khích kiểm định chất lượng giáo dục của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được công nhận hoạt động ở Việt Nam; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tham gia xếp hạng đại học của các tổ chức xếp hạng uy tín thế giới. Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục, đào tạo (PISA, PASEC...).

9. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định

hướng đến năm 2030”; Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025”. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, giải pháp trí tuệ nhân tạo phù hợp trong giáo dục đào tạo.

Tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến dùng chung.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong giáo dục và đào tạo. Tập trung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân các cấp; kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; việc thực hiện tự chủ giáo dục đại học, mở ngành, hoạt động tuyển sinh và đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học. Kiểm tra các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, trung tâm ngoại ngữ, tin học; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục.

11. Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành

Tiếp tục triển khai thiết thực, hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo; phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tổ chức triển khai phong trào thi đua “Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”. Thực hiện tốt các chính sách về thi đua, khen thưởng nhằm thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đẩy mạnh phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng, tôn vinh các mô hình hay, những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành.

12. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ với ngành Giáo dục./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1.
Danh mục văn bản đã ban hành trong năm học 2022 - 2023

Tổng số:	56
Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ:	04
Quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ:	07
Thông tư của Bộ trưởng:	25
Quyết định cá biệt của Bộ trưởng:	20

STT	Tên văn bản
I	NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ: 04 VĂN BẢN
1	Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19
2	Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT
3	Nghị định số 103/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân
4	Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học
II	QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: 07 VĂN BẢN
1	Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 31/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả, chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông.
2	Quyết định 1156/QĐ-TTg ngày 30/09/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể "Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật"
3	Quyết định 1122/QĐ-TTg của ngày 23/09/2022 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương thành lập Trường Đại học Khoa học Sức khỏe là trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên văn bản
4	Quyết định 1127/QĐ-TTg ngày 26/09/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc từ Bộ GDĐT về trực thuộc Ủy ban Dân tộc
5	Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030"
6	Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 29/5/2023 về việc tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2023
7	Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 19/5/2023 về việc ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực GDĐT
III	THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG: 25 VĂN BẢN
1	Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
2	Thông tư số 14/2022/TT-BGDĐT ngày 10/10/2022 quy định về kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm
3	Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08/11/2022 Quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa THPT trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4	Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông
5	Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT ngày 05/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
6	Thông tư số 18/2022/TT-BGDĐT ngày 05/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
7	Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 ban hành Danh mục Thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học
8	Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

STT	Tên văn bản
9	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐ ngày 28/12/2022 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập
10	Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐ ngày 28/12/2022 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường THPT chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập
11	Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐ ngày 30/12/2022 ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm
12	Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên
13	Thông tư số 02/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn lọc học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 56/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 và Thông tư số 37/2013/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
14	Thông tư số 03//2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú
15	Thông tư số 04//2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú
16	Thông tư số 05/3/2023/TT-BGDĐT Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên
17	Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
18	Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
19	Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập
20	Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số
21	Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28/4/2023 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Tên văn bản
22	Thông tư số 11/2023/TT-BGDĐT ngày 15/06/2023 bãi bỏ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học
23	Thông tư số 12/2023/TT-BGDĐT ngày 15/06/2023 bãi bỏ một số thông tư do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành trong lĩnh vực giáo dục
24	Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT ngày 26/06/2023 quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm
25	Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT ngày 17/07/2023 quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học
IV	QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG: 20 VĂN BẢN
1	Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023
2	Quyết định số 2519/QĐ-BGDĐT ngày 05/8/2022 Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên
3	Quyết định số 2777/QĐ-BGDĐT ngày 28/9/2022 ban hành Điều lệ Hội thi giảng viên giỏi nghiệp vụ sư phạm toàn quốc
4	Quyết định số 1666/QĐ-BGDĐT ngày 16/6/2022 ban hành Quy chế tiếp công dân
5	Quyết định số 3671/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2022 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của BGDĐT
6	Quyết định số 3710/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2022 ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các đơn vị thuộc BGDĐT
7	Quyết định số 4279/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2022 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trong cơ quan Bộ GDĐT
8	Quyết định số 3838/QĐ-BGDĐT ngày 24/11/2022 ban hành Kế hoạch thanh tra của Bộ GDĐT năm 2023
9	Quyết định số 4597/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục
10	Kế hoạch số 1841/KH-BGDĐT ngày 29/12/2022 triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 của Bộ GDĐT
11	Quyết định số 4608/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm 2023
12	Quyết định số 4626/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2022 ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt của BGDĐT năm 2023

STT	Tên văn bản
13	Quyết định số 4657/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Quy chế xét tặng giải thưởng công trình Toán học xuất sắc thuộc Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021-2030
14	Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên
15	Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học
16	Quyết định số 242/QĐBGDĐT ngày 16/01/2023 Chương trình công tác cơ quan Bộ năm 2022
17	Quyết định số 302/QĐBGDĐT ngày 19/01/2023 ban hành Kế hoạch kiểm soát, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 của Bộ GDĐT
18	Quyết định số 259/QĐ-BGDĐT ngày 17/1/2023 về việc công bố các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ GDĐT hết hiệu lực trong năm 2022
19	Quyết định số 1489/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về công tác kiểm tra của Bộ GDĐT
20	Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/5/2023 về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.